

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Báo cáo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường về thực hiện nhiệm vụ công tác của Trường Đại học Cần Thơ năm 2023

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của kỳ họp thứ mười bốn Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét Tờ trình số 4969/TTr-ĐHCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung và hoạt động năm 2023 và xin phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Trường ĐHTC.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng trường thống nhất thông qua Báo cáo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường về thực hiện nhiệm vụ công tác của Trường Đại học Cần Thơ năm 2023 (báo cáo đính kèm).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để thực hiện);
- Thành viên Hội đồng Trường (để giám sát);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, VPHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phương

Số: 5011 /BC-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường Về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) năm 2023, Ban Giám hiệu báo cáo kết quả thực hiện các mặt công tác của Trường ĐHCT năm 2023 như sau:

1. Công tác tổ chức, nhân sự

1.1. Công tác tổ chức

Trình Hội đồng Trường thông qua và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường ĐHCT.

Trình Hội đồng Trường thông qua và ban hành Nghị quyết Thành lập Trường Thủy sản trên cơ sở Khoa Thủy sản (Nghị quyết số 90/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường); đổi tên Bộ môn Luật Thương mại thành Bộ môn Luật Kinh tế thuộc Khoa Luật; Điều chỉnh tên gọi Phòng Kế hoạch – Tổng hợp thành Văn phòng Trường ĐHCT.

Triển khai xây dựng Đề án tự chủ Trường ĐHCT theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); Tiếp tục các thủ tục để thành lập Phân hiệu của Trường tại tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang theo góp ý của Bộ GD&ĐT; Tiếp tục triển khai các thủ tục để hoàn thiện Đề án chuyển Trường ĐHCT thành Đại học Cần Thơ.

Triển khai công tác rà soát, cập nhật các quy định, quy trình, thủ tục hành chính và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường.

Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường ĐHCT giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

1.2. Công tác nhân sự

Trong năm 2023, Trường đã thực hiện những nội dung chính về công tác nhân sự sau đây:

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm viên chức quản lý các cấp đối với các đơn vị mới thành lập (Trường Thủy sản) và một số đơn vị khác trong Trường. Qua đó, Trường đã bổ nhiệm 33 viên chức quản lý các cấp.

- Đã triển khai định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức thuộc Trường ĐHCT năm 2023. Qua đó, đã chuyển đổi 17 viên chức thực hiện vị trí công tác tuyển sinh và đào tạo ở các đơn vị: Phòng Tổ chức - Cán bộ, Phòng Tài chính, Phòng Quản lý Khoa học, Khoa Sau đại học, Phòng Đào tạo.

- Hoàn thành quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng giai đoạn 2023-2025. Hiệu trưởng

Trường ĐHCT nhiệm kỳ 2020-2025 được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại Quyết định số 4588/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2023.

- Hoàn thành công tác lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ đối với Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.

- Hoàn thành thủ tục đề nghị xét công nhận đạt chuẩn chức danh GS, PGS (có 03 GS và 21 PGS đạt chuẩn) và tiến hành thủ tục bổ nhiệm GS, PGS đạt chuẩn.

- Hoàn thành thủ tục bổ nhiệm viên chức đã đạt yêu cầu kỳ thi thăng hạng lên giảng viên chính (98 viên chức)

- Thực hiện tuyển dụng viên chức và người lao động (VC-NLĐ) đợt 2 năm 2023.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung Đề án Vị trí việc làm Trường ĐHCT đến năm 2025; Hoàn thiện Dự thảo Quy định về sử dụng, quản lý viên chức, người lao động và triển khai lấy ý kiến góp ý; Thực hiện tốt quy định về tuyển chọn và quản lý giảng viên đi đào tạo theo Đề án 89.

- Tạo điều kiện tốt nhất để đào tạo giảng viên đạt trình độ tiến sĩ. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ VC-NLĐ do Trường trả lương năm 2023 được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển VC-NLĐ do Trường trả lương năm 2023

TT	Nhóm vị trí việc làm	KH được phê duyệt 31/12/2023		Kết quả thực hiện đến 31/12/2023		Kết quả thực hiện so với KH
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	
1	Giảng viên	1225	72.1	1111	72.16	91%
2	Trợ giảng*	35	2.06	20	0.92	57%
3	Giáo viên trung học PT	18	1.06	13	0.98	72%
4	Chuyên viên, kế toán viên	204	12.01	198	13.2	97%
5	Nhân viên PTH/PTN	89	5.24	65	4.4	73%
6	Bảo vệ	42	2.47	42	2.82	100%
7	Nhân viên thư viện	30	1.77	28	1.77	93%
8	Nhân viên vệ sinh, tạp vụ	38	2.24	36	2.5	95%
9	Nhân viên lái xe	7	0.41	7	0.53	100%
10	Các vị trí việc làm khác	11	0.65	12	0.72	109%
	Tổng cộng	1699	100	1532	100	90%

2. Hoạt động đào tạo, bảo đảm chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

2.1. Công tác đào tạo

2.1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023

a) Đại học chính quy:

Căn cứ Nghị quyết của Đảng ủy Trường về nhiệm vụ năm 2023¹; căn cứ các Nghị

¹ Nghị quyết số 193-NQ-ĐU ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Đảng ủy Trường về nhiệm vụ năm 2023.

quyết của Hội đồng trường về phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023²; căn cứ các quy định về tuyển sinh³ và văn bản phân giao chỉ tiêu các ngành đào tạo sư phạm của Bộ GD&ĐT⁴; căn cứ các quy định về tuyển sinh của Trường ĐHC⁵, Trường đã xác định 7.931 chỉ tiêu tuyển sinh (*trong đó: 7.631 chỉ tiêu tuyển sinh chính quy và 300 chỉ tiêu tuyển sinh Liên thông đối với người có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên*)⁶ và 06 phương thức tuyển sinh⁷; ban hành Kế hoạch tuyển sinh⁸; công bố công khai Đề án tuyển sinh đại học năm 2023⁹; tổ chức nhiều hoạt động và hình thức tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp; tổ chức thi môn Năng khiếu Thể dục thể thao và môn Vẽ mỹ thuật¹⁰; tổ chức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (*đặc biệt là tổ chức đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến*), tổ chức xét tuyển, công bố kết quả và thu nhận tân sinh viên (SV) đúng kế hoạch, nghiêm túc, an toàn và đúng quy chế của Bộ GD&ĐT.

² Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường ĐHC năm 2023; Nghị quyết số 98/NQ-HĐT ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng trường phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 Trường ĐHC; Nghị quyết số 105/NQ-HĐT ngày 14 tháng 07 năm 2023 của Hội đồng trường phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 (lần 2) Trường ĐHC.

³ Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*có hiệu lực kể từ ngày 13/6/2023*).

⁴ Công văn số 2448/BGDĐT-GDĐH ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thông báo số lượng chỉ tiêu dự kiến các ngành đào tạo giáo viên năm 2023 thì chỉ tiêu Bộ GD&ĐT giao cho Trường là 544 chỉ tiêu thấp hơn so với chỉ tiêu Trường đăng ký với Bộ (*1.020 chỉ tiêu*).

⁵ Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy và Quy chế thi môn năng khiếu để bổ trợ tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy của Trường ĐHC.

⁶ **Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 là 7.931 chỉ tiêu** (*giảm so với kế hoạch là 13 chỉ tiêu do Trường bị phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục vì tuyển sinh năm 2022 đã tuyển sinh vượt hơn 103% chỉ tiêu các ngành sau: ngành Sư phạm Hóa học 16 SV/15 chỉ tiêu (vượt 6,6% chỉ tiêu); ngành Sư phạm Lịch sử 18 SV/15 chỉ tiêu (vượt 20% chỉ tiêu) và lĩnh vực Thú y 139 SV/130 chỉ tiêu (vượt 6,9%)*); **tuyển sinh chính quy 7.631 chỉ tiêu**, trong đó Khu Hòa An là 310 chỉ tiêu và các ngành đào tạo giáo viên là 520 chỉ tiêu (*trong tổng số 540 chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên do Bộ GD&ĐT xác định phân giao là 544 chỉ tiêu được trừ 04 chỉ tiêu do vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nêu trên*). **Tuyển sinh Liên thông đối với người có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên 300 chỉ tiêu** (*bao gồm 210 chỉ tiêu Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học và 90 chỉ tiêu Bằng đại học thứ hai như cách gọi trước đây*), trong đó chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên là 20 chỉ tiêu. Từ năm 2022 đến nay, chỉ tiêu tuyển sinh được xác định theo lĩnh vực (*19/23 lĩnh vực*) thay vì theo nhóm ngành (*6/7 nhóm ngành*) như các năm trước năm 2022.

⁷ Có 6 Phương thức xét tuyển (PT1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển; PT2: Xét điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023; PT3: Xét điểm Học bạ THPT cho các ngành ngoài Sư phạm; PT4: Xét điểm Học bạ THPT cho các ngành Sư phạm; PT5: Tuyển chọn vào chương trình tiên tiến và chương trình chất lượng cao từ tân SV K49; PT6: Xét tuyển thẳng vào học bồi dưỡng kiến thức 1 năm).

⁸ Kế hoạch tuyển sinh đại học hình thức chính quy số 1539/KH-ĐHC ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Trường được điều chỉnh theo Quyết định số 923/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023; Công văn số 1515/BGDĐT-QLCL ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023; Công văn số 1919/BGDĐT-GDĐH ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; và thay thế Kế hoạch tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2023 số 3984/KH-ĐHC ngày 15/12/2022 của Trường ĐHC.

⁹ Năm 2023, tuyển sinh 83 ngành đào tạo (*với 103 mã ngành tuyển sinh gồm: 82 mã ngành tuyển sinh Chương trình đại trà tại Cần Thơ và 07 mã ngành tuyển sinh Chương trình đại trà tại Khu Hòa An, 02 mã ngành tuyển sinh Chương trình tiên tiến và 12 mã ngành tuyển sinh Chương trình chất lượng cao*). Năm 2023, Trường bắt đầu tuyển sinh 03 ngành đào tạo (*Luật kinh tế, Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị*) và 01 CTĐT chất lượng cao (*Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa*). Không tuyển sinh 04 ngành đào tạo là Lâm sinh, Khuyến nông (*ngừng tuyển sinh từ năm 2019*), Kỹ thuật tài nguyên nước và Phát triển nông thôn (*ngừng tuyển sinh từ năm 2020*).

¹⁰ Từ năm 2022, Trường tổ chức 2 đợt thi môn Năng khiếu TDTT. Đợt 1: tổ chức thi ngày 04/6/2023 (*có 175 thí sinh dự thi để lấy kết quả xét tuyển các phương thức sử dụng kết quả học bạ THPT và Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023*). Đợt 2: tổ chức vào ngày 22/7/2023 (*có 87 thí sinh dự thi để lấy kết quả xét tuyển phương thức sử dụng kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023*). Năm 2023 là năm đầu tiên Trường tổ chức thi môn Vẽ mỹ thuật vào ngày 21/5/2023 (*có 116 thí sinh dự thi để lấy kết quả xét tuyển các phương thức sử dụng kết quả học bạ THPT và Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023*).

Kết quả tuyển sinh năm 2023 như sau:

- Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy: thu nhận được 7.165 SV¹¹/7.631 chỉ tiêu (*đạt tỉ lệ 93,9% chỉ tiêu, không tính 246 học sinh diện xét tuyển thẳng năm 2022 được xét tuyển vào đại học năm 2023*), trong đó có 96 SV chương trình tiên tiến và 702 SV chương trình chất lượng cao¹² (tính đến 30/11/2023).

- Liên thông đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy đối với người có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên: thu nhận được 245 SV/300 chỉ tiêu¹³, đạt tỷ lệ 82% chỉ tiêu (tính đến 30/11/2023).

- Tuyển sinh thí sinh diện xét tuyển thẳng¹⁴:

+ Thu nhận vào học đại học 246 SV/250 học sinh diện xét tuyển thẳng năm 2022 hoàn thành Khóa bồi dưỡng kiến thức 1 năm được xét tuyển vào đại học năm 2023¹⁵, đạt tỉ lệ 98,4% học sinh được xét tuyển vào đại học (tính đến 30/11/2023). 246 sinh viên diện xét tuyển thẳng này không tính vào tỷ lệ đạt chỉ tiêu tuyển sinh chính quy của Trường năm 2023.

+ Thu nhận 300 học sinh diện xét tuyển thẳng đủ điều kiện xét tuyển vào học khóa bồi dưỡng kiến thức 01 năm, năm học 2023 - 2024 (tính đến 30/11/2023).

b) Đào tạo sau đại học

Căn cứ Nghị quyết của Đảng ủy Trường về nhiệm vụ năm 2023¹; căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng trường về phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023²; căn cứ các quy định về tuyển sinh³; căn cứ các quy định về tuyển sinh của Trường ĐHCT¹⁶, Trường đã xác định 2.586 chỉ tiêu tuyển sinh (*trong đó: 2.395 chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ và 191 chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ*). Trên cơ sở đó, Trường đã ban hành Kế hoạch tuyển sinh đợt 1 và 2¹⁷; công bố công khai Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ năm 2023¹⁸.

Kết quả tuyển sinh năm 2023 như sau:

+ Tuyển sinh trình độ thạc sĩ: số lượng trúng tuyển và nhập học 885 (*đạt tỷ lệ*

¹¹ Thu nhận 7.165 SV, trong đó: 2.254 thí sinh trúng tuyển theo Phương thức 3 và 4 xét điểm học bạ THPT; 4.895 thí sinh trúng tuyển đợt 1 theo Phương thức 2 xét điểm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT (*Trường không tổ chức xét tuyển đợt bổ sung*); 04 thí sinh trúng tuyển theo Phương thức 1 (*02 thí sinh được tuyển thẳng và 02 thí sinh được ưu tiên xét tuyển*); 12 học sinh từ dự bị đại học; 0 thí sinh diện bảo lưu kết quả trúng tuyển từ các năm trước.

¹² **Chương trình tiên tiến (96 SV)**: ngành Công nghệ sinh học 57 SV và ngành Nuôi trồng thủy sản 39 SV. **Chương trình chất lượng cao (702 SV)**: ngành Kinh doanh quốc tế 77 SV, ngành Tài chính – Ngân hàng 67 SV, ngành Quản trị kinh doanh 89 SV, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 43 SV, ngành Công nghệ thông tin 44 SV, ngành Kỹ thuật phần mềm 46 SV, ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học 36 SV, ngành Ngôn ngữ Anh 92 SV, ngành Công nghệ thực phẩm 70 SV; ngành Kỹ thuật điện 36 SV; ngành Kỹ thuật xây dựng 65 SV; ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 39 SV.

¹³ Tuyển sinh Liên thông: Đợt 1, có 130 hồ sơ thí sinh đăng ký; kết quả có 125/129 thí sinh được xét trúng tuyển nhập học. Đợt 2, có 141 hồ sơ thí sinh đăng ký; kết quả có 120/137 thí sinh được xét trúng tuyển nhập học.

¹⁴ Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng là học sinh từ 22 huyện (*thành phố/thị xã*) thuộc diện đặc biệt khó khăn, huyện biên giới, hải đảo khu vực Tây Nam Bộ và học sinh thuộc các huyện nghèo theo Quy định tại Nghị quyết 30a của Chính phủ.

¹⁵ Năm 2022, thu nhận thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng có 256 học sinh nhập học (*trong tổng số 624 thí sinh đủ điều kiện đăng ký xét tuyển*). Công tác giảng dạy bồi dưỡng kiến thức 1 năm cho học sinh xét tuyển thẳng đã được thực hiện đúng theo kế hoạch. Kết thúc khóa học có 250 học sinh được xét tuyển vào đại học. Kết quả có 246 học sinh nhập học đại học (*đạt tỉ lệ 98,4% học sinh được xét tuyển vào đại học*) (tính đến 30/11/2023).

¹⁶ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 990/QĐ-ĐHCT.

¹⁷ Kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ năm 2023 ban hành theo Công văn số 4214/ĐHCT-KSDH ngày 30/12/2023 (đợt 1) và số của Trường.

¹⁸ Năm 2023, tuyển sinh 42 ngành đào tạo (*với 48 mã tuyển sinh*). Năm 2023, Trường bắt đầu tuyển sinh 01 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ mới là Kỹ thuật cơ khí. Không tuyển sinh 02 ngành đào tạo là Quản lý tổng hợp vùng ven biển (*ngừng tuyển sinh từ năm 2021*), Công nghệ sau thu hoạch (*từ năm 2023*).

37%).

+ Tuyển sinh trình độ tiến sĩ: số lượng trúng tuyển 83, số lượng nhập học thực tế (tính đến 30/11/2023) là 78 (đạt tỷ lệ 40,8%).

c) Vừa làm vừa học và đào tạo từ xa

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường ĐHCT năm 2023; Nghị quyết số 98/NQ-HĐT ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng trường phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 Trường ĐHCT; Nghị quyết số 103/NQ-HĐT ngày 14 tháng 7 năm 2023 kỳ họp thứ 10 của Hội đồng trường Trường ĐHCT nhiệm kỳ 2020 – 2025 (*điều chỉnh chỉ tiêu đại học hình thức vừa làm vừa học*); Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quyết định số 6809/QĐ-ĐHCT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học; Quyết định số 7309/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo từ xa. Trường ĐHCT đã xác định chỉ tiêu, công bố công khai Đề án tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học và đào tạo từ xa cùng với hình thức chính quy trên trang thông tin tuyển sinh của Trường.

Đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học: tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 là 2.068 chỉ tiêu (*trong đó có 213 chỉ tiêu sư phạm và 1.855 chỉ tiêu các ngành ngoài sư phạm*). Trường thông báo tuyển sinh 3 đợt trong năm 2023 tại Trường và 13 đơn vị liên kết. Tính đến tháng 12 năm 2023, Trường đã gửi thông báo trúng tuyển cho 671 thí sinh và đã thu nhận 492 sinh viên nhập học trong tổng số 2.068 chỉ tiêu, đạt tỷ lệ 23,8%.

Đối với hình thức đào tạo từ xa: tổng chỉ tiêu năm 2023 là 2.900 chỉ tiêu, Trường thông báo tuyển sinh 3 đợt trong năm 2023 tại Trường và 56 trạm đào tạo từ xa bao gồm 14 ngành trong tổng số 18 ngành được phép đào tạo. Năm 2023, Trường đã thu nhận 1.913 sinh viên nhập học trong tổng số 2.900 chỉ tiêu, đạt tỷ lệ 65,97 %. Một số ngành số lượng thí sinh đăng ký thấp không đủ số lượng để tổ chức lớp giảng dạy.

2.1.2 Mở ngành, chuyên ngành đào tạo

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường¹⁹ và căn cứ các quy định hiện hành²⁰, Trường hoàn thành kế hoạch xây dựng Đề án mở ngành đào tạo các trình độ và chương

¹⁹ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng trường về sửa đổi, bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 (*thay thế cho Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng trường về kế hoạch mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ giai đoạn 2019-2022 và định hướng đến năm 2030*); Nghị quyết số 86/NQ-HĐT ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường về bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030; Nghị quyết số 104/NQ-HĐT ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường về bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030, Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường ĐHCT năm 2023.

²⁰ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường ĐHCT.

trình chất lượng cao trình độ đại học năm 2023 trình Hội đồng trường phê duyệt²¹ (đối với các ngành đào tạo và chương trình chất lượng cao mà Trường tự chủ mở và báo cáo Bộ GD&ĐT) hoặc Hội đồng trường thông qua²² và trình Bộ GD&ĐT quyết định²³ (đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên), cụ thể như sau:

- Về mở ngành đào tạo và chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học:

+ 03 ngành đào tạo do Trường tự chủ mở²⁴ và đã được tuyển sinh đào tạo từ năm 2023: ngành Quy hoạch vùng và đô thị (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7580105), ngành Kiến trúc (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7580101) và ngành Luật Kinh tế (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7380107).

+ 01 chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng cao do Trường tự chủ mở²⁵ và đã được tuyển sinh đào tạo từ năm 2023: CTĐT chất lượng cao thuộc ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7520216).

+ 02 ngành đào tạo được Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định cho phép đào tạo²⁶ và sẽ được tuyển sinh đào tạo từ năm 2024: ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7140247) và ngành Giáo dục Mầm non (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7140201).

- Về mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ:

+ 01 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ do Trường tự chủ mở và tuyển sinh năm 2023: Kỹ thuật cơ khí (Mã ngành đào tạo cấp IV: 8520103)²⁷.

+ 01 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ được Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định cho phép đào tạo và sẽ được tuyển sinh đào tạo từ năm 2024: Lý luận và Phương pháp dạy học (Mã ngành đào tạo cấp IV: 8140110)²⁸.

+ 01 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Hóa học, Mã ngành đào tạo cấp IV: 8440112) và 01 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Kỹ thuật Nông nghiệp thông minh thuộc ngành Khoa học cây trồng, Mã ngành đào tạo cấp IV: 8620110) đang hoàn tất hồ sơ và trình Hội đồng Trường vào năm 2024²⁹.

+ 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Toán giải tích, Mã ngành đào tạo cấp IV: 9460102) dừng thực hiện mở ngành do không đảm bảo được yêu cầu về giảng viên cơ

²¹ Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng trường về phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo.

²² Nghị quyết số 97/NQ-HĐT ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng trường về thông qua Đề án mở ngành đào tạo.

²³ Quyết định số 2135/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép Trường ĐHCT đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học. Quyết định số 2136/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép Trường ĐHCT đào tạo ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên trình độ đại học.

²⁴ Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng trường về phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo. Quyết định số 1299/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc mở ngành đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHCT.

²⁵ Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng trường về phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo. Quyết định số 1308/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc mở CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, mã ngành 7520216 của Trường ĐHCT.

²⁶ Quyết định số 2135/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép Trường ĐHCT đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học. Quyết định số 2136/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép Trường ĐHCT đào tạo ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên trình độ đại học.

²⁷ Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng trường về phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo; Quyết định số 1314/QĐ-ĐHCT ngày 04 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

²⁸ Quyết định số 2137/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép Trường ĐHCT đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học trình độ thạc sĩ.

²⁹ Hồ sơ mở ngành chi trình Hội đồng Trường và Trường tự chủ mở sau khi có giấy chứng nhận kết quả Đánh giá ngoài của cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2, dự kiến trình Hội đồng Trường kỳ họp tháng 12 năm 2023 hay quý I năm 2024.

hữu chủ trì ngành theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT³⁰

Trường đã tổ chức rà soát Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo các trình độ đến năm 2030, đề nghị và được Hội đồng trường phê duyệt bổ sung Kế hoạch các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội và chiến lược phát triển của Trường. Bên cạnh đó, Trường đã đề nghị và được Hội đồng trường phê duyệt dừng tuyển sinh hoặc loại bỏ các ngành, chuyên ngành đào tạo không còn nhu cầu của người học hoặc/và nhu cầu xã hội, cụ thể như sau:

- Căn cứ đề nghị của Hiệu trưởng³¹, Hội đồng trường đã quyết nghị thống nhất bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030: ngành Giáo dục quốc tế và so sánh trình độ thạc sĩ; ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý và ngành Tâm lý học giáo dục trình độ đại học; chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn thuộc ngành Kỹ thuật máy tính trình độ đại học³².

- Căn cứ Báo cáo của Hiệu trưởng³³, Hội đồng trường đã quyết nghị thống nhất về việc hết hiệu lực tuyển sinh các ngành đào tạo do không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được: ngành Quản lý tổng hợp vùng ven biển và ngành Công nghệ sau thu hoạch trình độ thạc sĩ; ngành Lâm sinh, ngành Khuyến nông, ngành Kỹ thuật tài nguyên nước và ngành Phát triển nông thôn trình độ đại học³⁴. Trường đã báo cáo Bộ GD&ĐT về việc hết hiệu lực đối với ngành đào tạo này³⁵.

2.1.3 Chất lượng giáo dục và kiểm định

a) Về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng các CTĐT:

Trường triển khai thực hiện kiểm định chất lượng (KĐCL) theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT 32 CTĐT theo các kế hoạch được lập cho giai đoạn 2021- 2024. Trong đó: 9 CTĐT đã được công nhận đạt chất lượng³⁶, 8 CTĐT đã hoàn thành tự đánh giá (TĐG)³⁷,

³⁰ Công văn số 3954/BGDĐT-GD&DH của Bộ GD&ĐT về việc ý kiến về đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành Toán Giải tích của Trường ĐHCT.

³¹ Tờ trình số 2378/TTr-ĐHCT ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng gửi Hội đồng trường đề nghị bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 (ngành Giáo dục quốc tế và so sánh trình độ thạc sĩ; ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý và ngành Tâm lý học giáo dục trình độ đại học). Tờ trình số 3990/TTr-ĐHCT ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng gửi Hội đồng trường đề nghị bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 (chuyên ngành chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn thuộc ngành Kỹ thuật máy tính trình độ đại học).

³² Nghị quyết 103/NQ-HĐT ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường về Kỳ họp thứ 10 của Hội đồng trường Trường ĐHCT nhiệm kỳ 2020 – 2025. Nghị quyết 104/NQ-HĐT ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường về bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030. Nghị quyết 127/NQ-HĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường về bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 (chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn, thuộc ngành Kỹ thuật máy tính trình độ đại học).

³³ Báo cáo số 2423/BC-ĐHCT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng gửi Hội đồng trường về việc hết hiệu lực tuyển sinh các ngành đào tạo do không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được (ngành Quản lý tổng hợp vùng ven biển và ngành Công nghệ sau thu hoạch trình độ thạc sĩ; ngành Lâm sinh, ngành Khuyến nông, ngành Kỹ thuật tài nguyên nước và ngành Phát triển nông thôn trình độ đại học).

³⁴ Nghị quyết 103/NQ-HĐT ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường về Kỳ họp thứ 10 của Hội đồng trường Trường ĐHCT nhiệm kỳ 2020 – 2025.

³⁵ Công văn số 4455/ĐHCT ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc báo cáo hết hiệu lực đối với các quyết định mở ngành đào tạo.

³⁶ Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật xây dựng, Triết học, Hóa dược, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Giáo dục thể chất.

³⁷ Công nghệ kỹ thuật hóa học, Giáo dục công dân, Kỹ thuật môi trường, Kinh doanh nông nghiệp, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Chính trị học

và 15 CTĐT đang thực hiện TĐG³⁸.

Thực hiện KĐCL theo tiêu chuẩn của AUN-QA 12 CTĐT theo các kế hoạch được lập cho giai đoạn 2022-2023. Trong đó: 8 CTĐT đã được công nhận đạt chất lượng³⁹, và 4 CTĐT đã hoàn thành ĐGN⁴⁰.

Thực hiện cải tiến chất lượng 27 CTĐT được công nhận đạt chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và AUN-QA.

Trường cũng tham gia nghiên cứu áp dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục (CSGD) của tổ chức The Quality Assurance Agency for Higher Education; Mở rộng áp dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn quốc tế QAA (Vương quốc Anh) đã được Bộ GD&ĐT công nhận trong công tác đánh giá chất lượng CTĐT.

b) Về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng Trường:

Trường đã hoàn thành tự đánh giá và đánh giá ngoài (ĐGN) Trường Đại học Cần Thơ Chu kỳ II (giai đoạn 2018-2023). Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Trường ĐHCT được Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thẩm định vào ngày 14/12/2023. Hội đồng đã thống nhất công nhận Trường ĐHCT đạt tiêu chuẩn chất lượng CSGD và đề nghị Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trường ĐHCT (Nghị quyết số 71/NQ-HĐKĐCLGD ngày 14/12/2023 Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục).

c) Về công tác khảo sát và lấy ý kiến góp ý các bên liên quan

Trường đã thực hiện công tác khảo sát tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp (SVTN) năm 2023. Số liệu thống kê (tính đến thời điểm ngày 09/11/2023) cho thấy tỷ lệ SVTN của 92 ngành đào tạo có mã cấp IV phản hồi ý kiến đạt 88,97%, tỷ lệ SVTN có việc làm trong số SVTN phản hồi ý kiến đạt 94,59%, tỷ lệ SVTN có việc làm trong tổng số SVTN đạt 84,12% (Xem Bảng 2).

Bảng 2. Số liệu thống kê tình hình việc làm SVTN năm 2023

Số Ngành đào tạo (có mã cấp IV)	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN
	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		
92	7.517	4.182	6.688	3.729	94,54%	84,12%

Nguồn: TT.QLCL

Số liệu thống kê từ cuộc khảo sát cũng ghi nhận 2 đơn vị đào tạo có tỷ lệ SVTN có việc làm đạt 100% là Khoa Giáo dục thể chất và Trường Thủy sản, và đơn vị đào tạo có tỷ lệ SVTN có việc làm đạt thấp nhất với 83,41% là Trường CNTT&TT.

³⁸ Công nghệ thông tin (chất lượng cao), Kinh tế, Kinh doanh quốc tế (chất lượng cao), Tài chính-Ngân hàng, Luật kinh tế, Sư phạm Tiếng Pháp, Nuôi trồng thủy sản, Công nghệ kỹ thuật hóa học (chất lượng cao), Kỹ thuật hóa học, Thông tin-Thư viện, Văn học Việt Nam, Chính trị học, Khoa học môi trường, Ngôn ngữ Anh, Quản lý giáo dục (ThS), SP Tin học.

³⁹ Ngôn ngữ Anh, Kỹ thuật điện tử-viễn thông, Nuôi trồng thủy sản (thạc sĩ dạy bằng tiếng Anh), Khoa học máy tính, Kinh tế nông nghiệp, Công nghệ sinh học (tiên tiến), Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (thạc sĩ), Kỹ thuật xây dựng công trình thủy (thạc sĩ).

⁴⁰ Kỹ thuật điện, Quản lý tài nguyên và môi trường, Chăn nuôi, Thú y.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy tỷ lệ SVTN “làm việc đúng ngành” là 35,45%; “làm việc trong khu vực Nhà nước” là 9,60%, “làm việc trong khu vực Tư nhân” là 60,62%, “làm việc trong khu vực có yếu tố nước ngoài” là 10,60%, và “Tự tạo việc làm” là 5,94%.

Trường ĐHCT đã thực hiện 7 cuộc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (người học, cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động) về giảng dạy học phần, về CTĐT, về tư vấn và hỗ trợ người học, và về chất lượng giáo dục. Kết quả chi tiết của các cuộc khảo sát được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả các cuộc khảo sát sự hài lòng của các BLQ năm 2023

TT	Đối tượng và nội dung khảo sát	Số phiếu phát ra	Số phiếu phản hồi	Tỷ lệ phản hồi (%)	Tỷ lệ hài lòng chung (%)
1	Khảo sát SV về giảng dạy học phần lý thuyết (học kỳ II, năm học 2022-2023)	174.726	94.955	54,42	83
2	Khảo sát SV về giảng dạy học phần lý thuyết (học kỳ III, năm học 2022-2023)	28.422	14.084	49,55	85
3	Khảo sát học viên về giảng dạy học phần lý thuyết (học kỳ II, năm học 2022-2023)	6.080	1.352	22,23	94
4	Khảo sát SV xét tốt nghiệp về CTĐT	10.126	2.722	26,88	//
5	Khảo sát SV về công tác tư vấn và hỗ trợ học tập	36.363	12.035	33,1	81
6	Khảo sát cựu SV về chất lượng giáo dục	397	243	61	82,94
7	Khảo sát NSDLĐ về chất lượng giáo dục	113	63	57,75	93

Nguồn: TT.QLCL

Bên cạnh đó, Trường cũng đã thực hiện công tác khảo sát sinh viên và học viên cao học theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT về dự thảo Thông tư ban hành Chuẩn CSGD đại học; phối hợp với Sở GD&ĐT thành phố Cần Thơ thực hiện khảo sát 600 sinh viên Trường ĐHCT về dịch vụ giáo dục công.

d) Về công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong

Trường đã điều chỉnh, bổ sung và xây dựng các công cụ, các quy trình nhằm hoàn thiện hệ thống BDCL bên trong. Thực hiện phân cấp quản lý và sử dụng các phần mềm: hỗ trợ viết báo cáo TĐG CSGD và CTĐT, phần mềm quản lý dữ liệu phục vụ công tác BDCL giáo dục.

Để tăng cường nghiệp vụ bảo đảm chất lượng CTĐT cho đội ngũ bảo đảm chất lượng bên trong, Trường đã Tổ chức hội nghị: Hướng dẫn thực hiện TĐG chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; Hướng dẫn thực hiện TĐG chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của AUN-QA (phiên bản 4.0). Bên cạnh đó, Nhà trường đã cử 03 viên chức tham dự khóa đào tạo kiểm định viên theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, 01 viên chức đã tham dự khóa tập huấn đánh giá viên AUN-QA (Tier-2), và nhiều lượt lãnh đạo và viên chức tham dự các chương trình tập huấn BDCL khác.

Trường ĐHCT cũng tham gia dự án TĐG chất lượng CSGD theo tiêu chuẩn ESG trong khuôn khổ Dự án của Hội đồng Anh và tiêu chuẩn của tổ chức QAA, Vương quốc

Anh; Thực hiện thủ tục tham gia dự án quản lý chất lượng trên cơ sở dữ liệu thu thập từ các bên liên quan do Ban Thư ký AUN-QA giới thiệu.

e) Về công tác xếp hạng CSGD và đối sánh chất lượng:

Trường thực hiện đối sánh chất lượng giáo dục Trường và CTĐT đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong quá trình TĐG chất lượng.

Trong bảng xếp hạng của QS (Quacquarelli Symonds) trong kỳ xếp hạng 2023-2024, Trường ĐHCT được xếp trong nhóm hạng 651-700 Châu Á và hạng 11 trong các CSGD của Việt Nam. Kết quả xếp hạng chi tiết được trình bày trong Bảng 4.

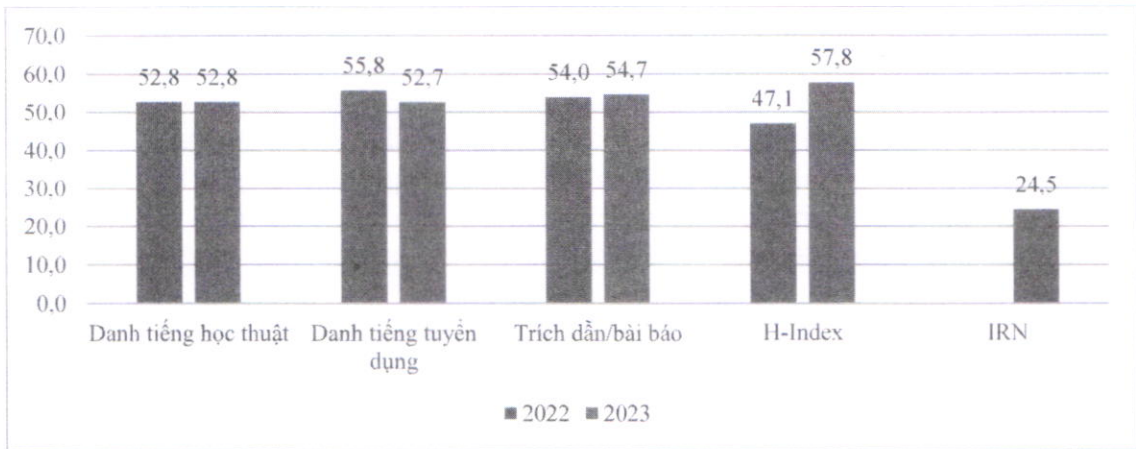
Bảng 4. Kết quả xếp hạng của Trường ĐHCT trong bảng xếp hạng QS Asia (kỳ xếp hạng 2023-2024)

Các chỉ báo xếp hạng		Trọng số (%)	Hạng	
			Châu Á	Việt Nam
Nghiên cứu và khám phá	Danh tiếng học thuật	30.0%	251 +	8
	Số trích dẫn/bài báo	10.0%	301 +	14
	Số bài báo/Giảng viên	5.0%	301 +	5
Việc làm và đầu ra	Danh tiếng tuyển dụng	20.0%	251 +	10
Kinh nghiệm về đào tạo	Tỷ lệ giảng viên/sinh viên	10.0%	301 +	13
	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến	5.0%	301 +	5
Kết nối toàn cầu	Mạng lưới nghiên cứu quốc tế	10.0%	297	9
	Tỷ lệ sinh viên đến trao đổi	2.5%	301 +	9
	Tỷ lệ giảng viên quốc tế	2.5%	301 +	6
	Tỷ lệ sinh viên quốc tế	2.5%	301 +	13
	Tỷ lệ sinh viên được cử đi trao đổi	2.5%	301 +	7

Trong kỳ xếp hạng năm 2023-2024 khu vực Châu Á, Trường ĐHCT giảm bậc so với kỳ xếp hạng trước đó (năm 2022-2023 trong nhóm hạng 551-600), trong khi thứ hạng theo các tiêu chí của Trường không có thay đổi nhiều (ngoại trừ chỉ báo “Mạng lưới nghiên cứu quốc tế” tăng hạng từ 301 lên 297 và chỉ báo “Tỷ lệ sinh viên đến trao đổi” giảm hạng từ 290 xuống 301).

Nguyên nhân của sự sụt giảm thứ hạng nhiều khả năng là do có sự gia tăng số lượng các trường tham gia vào bảng xếp hạng; khả năng cạnh tranh khiếm tốn của các chỉ báo “Số trích dẫn/bài báo”; “Danh tiếng tuyển dụng”; “Tỷ lệ giảng viên/sinh viên”; “Tỷ lệ sinh viên quốc tế”.

Trong bảng xếp hạng trường của QS (Quacquarelli Symonds) theo lĩnh vực được công bố vào ngày 22/3/2023, nhóm lĩnh vực Nông-Lâm nghiệp của Trường ĐHCT được xếp trong nhóm hạng 351-400 thế giới (giảm 50 hạng so với kỳ xếp hạng năm trước), song vẫn duy trì vị trí số 1 ở lĩnh vực này so với các CSGDĐH trong nước. Hình 1 cho thấy điểm số của các chỉ báo xếp hạng không có thay đổi nhiều so với kỳ xếp hạng trước đó.



Hình 1. Kết quả xếp hạng theo lĩnh vực của Trường ĐHCT

Nguyên nhân của sự giảm hạng có thể là do danh tiếng học thuật và tuyên dụng của Trường, việc áp dụng chỉ số mới IRN (đánh giá về tính bền vững và đa dạng trong mạng lưới nghiên cứu quốc tế của mỗi CSGDDH).

2.1.4. Quản lý hoạt động đào tạo, thu hút người học và công tác có liên quan

a) Đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định, quy chế, quy trình và văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý đào tạo phù hợp với quy định hiện hành, bao gồm: Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy⁴¹; Quy chế tuyển sinh liên thông đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy⁴²; Quy chế thi môn năng khiếu để bổ trợ tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy⁴³ và những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức đào tạo.

Cùng với việc ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn nội bộ, Nhà trường tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện: công tác tuyển sinh; phân công giảng dạy các học phần; tổ chức giảng dạy và tổ chức thi học kỳ; tổ chức kiểm tra và thi học kỳ các lớp xét tuyển thẳng; công tác cố vấn học tập; quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ,... Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ đã giúp Nhà trường kịp thời phát hiện và khắc phục những công việc chưa được thực hiện tốt nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

Nhà trường tiếp tục xác định việc cải tiến các quy trình quản lý đào tạo hợp lý và thông thoáng là trọng tâm của đơn vị nhằm góp phần vào việc nâng cao chất lượng tổ chức và quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường. Phát huy ứng dụng của Công nghệ 4.0, thực hiện chuyển đổi số, Trường tiếp tục quan tâm cập nhật phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến và cải tiến trang thông tin điện tử, ứng dụng MyCTU trên điện thoại di động... góp phần nâng cao khả năng phục vụ và hiệu quả quản lý đào tạo.

Về tổ chức đào tạo, Nhà trường đã triển khai và hoàn thành giảng dạy năm học 2022 - 2023 và học kỳ 1 của năm học 2023 - 2024 theo đúng kế hoạch.

Trường đã thực hiện quảng bá về Trường thông qua nhiều hoạt động và hình thức. Đối với hoạt động tuyển sinh, Trường đã tổ chức quảng bá Nhà trường, hoạt động đào tạo, ngành nghề đào tạo, thông tin tuyển sinh - hướng nghiệp,... với nhiều hình thức trực tiếp và trực tuyến như: công bố đề án tuyển sinh tại website của Bộ GD&ĐT; đăng thông

⁴¹ Quyết định số 6599/QĐ-ĐHCT ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

⁴² Quyết định số 544/QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

⁴³ Quyết định số 1049/QĐ-ĐHCT ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

tin tuyển sinh tại website tuyển sinh của Trường (có trên 2,6 triệu lượt truy cập năm 2023), các đơn vị trực thuộc Trường, các báo đài (*Báo Thanh niên, Báo Tuổi trẻ, Báo Dân trí, Báo Cần Thơ, ... Đài truyền hình Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, VTV, ...*); tổ chức tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp thông qua các hình thức trực tiếp, trực tuyến livestream tại facebook tuyển sinh của Trường; tham gia các chương trình/ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp do các báo đài (*Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, Báo Giáo dục Thời đại, Báo Giáo dục TPHCM, ...*), các địa phương và các trường trung học phổ thông (THPT) tổ chức; tổ chức đón tiếp các đoàn học sinh tham quan hướng nghiệp và tuyển sinh tại Trường ĐHCT (*do các Trường THPT, các địa phương, các tổ chức du lịch, ... cùng phối hợp*); tổ chức đoàn đến tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp một số Trường THPT ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (*đặc biệt là vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn*); hoạt động tư vấn - hướng nghiệp của Đoàn trường và các Liên chi hội sinh viên các địa phương; giảng viên và sinh viên nhóm ngành Sư phạm kết hợp việc thực tập tại các trường THPT với tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp; tờ bướm/bảng/pano thông tin tuyển sinh; tặng phẩm có tên Trường/hình ảnh/biểu tượng/website Trường (*sổ tay, tập, viết, móc khóa, áo, ...*); tư vấn thông qua thư điện tử của Trường (*tuyensinh@ctu.edu.vn, pdt@ctu.edu.vn, ...*); Facebook (*www.facebook/ctu.tvts*); điện thoại/zalo/viber. Các hoạt động quảng bá về Trường và ngành nghề đào tạo đã thực sự mang lại hiệu quả trong điều kiện cạnh tranh rất mạnh mẽ trong giáo dục, đặc biệt là trong tuyển sinh. Mặt khác, Trường đã tiếp tục hoàn thiện hệ thống phần mềm tuyển sinh trực tuyến và sử dụng rất hiệu quả trong việc đăng ký xét tuyển, thông báo kết quả xét tuyển, xác nhận nhập học, đóng học phí, ... Trường đánh giá hoạt động quảng bá đã tác động tích cực và mang lại hiệu quả cho công tác tuyển sinh của Nhà trường. Tuyển sinh đại học hình thức chính quy năm 2023, Trường ĐHCT được Bộ GD&ĐT đánh giá là một trong số không nhiều cơ sở giáo dục đại học có số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển và số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển đại học hình thức chính quy nhiều nhất cả nước và là một trong số không nhiều cơ sở giáo dục đại học đã đạt được chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 trên 90%. Tuyển sinh lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản tuy chỉ đạt 88% chỉ tiêu (*thu nhận 1.322 SV/1.510 chỉ tiêu*) nhưng đạt cao hơn năm 2022 là 16% (*năm 2022 đạt 72% chỉ tiêu*) và vẫn cao hơn bình quân cả nước là khoảng 48% (*bình quân cả nước đạt khoảng 40%*).

Về phát triển CTĐT trình độ đại học, căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT; khuyến nghị của các Đoàn Đánh giá ngoài; ý kiến của các bên liên quan...⁴⁴ Trường đã thực hiện những công việc như sau:

- Lựa chọn bổ sung để đạt ít nhất 13% số lượng học phần trong CTĐT của các ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học được chuyển sang giảng dạy theo hình thức

⁴⁴ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Trường ĐHCT ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 22 tháng 02 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020; Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường ĐHCT ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT; Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh; Quyết định số 2077/QĐ-ĐHCT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình hành động giai đoạn 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh; Quyết định số 1813/QĐ-ĐHCT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy; Quyết định số 25/QĐ-ĐHCT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định đào tạo trực tuyến của Trường ĐHCT; Biên bản số 808/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, phiên họp lần 3, tháng 03 năm 2022; Kế hoạch số 810/KH-ĐHCT ngày 09 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng về rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ đại học năm học 2022-2023; căn cứ khuyến nghị của các Đoàn Đánh giá ngoài; Nghị quyết Đại hội Đại biểu viên chức - người lao động Trường ĐHCT năm học 2022-2023.

trực tuyến và thi trắc nghiệm trên máy tính để áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2023 (từ Khóa 49) cho các hình thức đào tạo trình độ đại học của Trường nhưng phải bảo đảm không vượt quá 30% khối lượng của chương trình đào tạo⁴⁵.

- Cập nhật đề cương chi tiết học phần đối với các học phần được lựa chọn để giảng dạy trực tuyến; đồng thời rà soát, đánh giá, cập nhật Bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học; đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào việc tổ chức giảng dạy, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp, khuyến khích số hóa các nội dung thực tế, thực địa trong chương trình đào tạo.

Trường đã tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn,... về công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng⁴⁶, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý đào tạo; xây dựng và cải tiến phát triển CTĐT.

Kết quả đào tạo, năm 2023, có 7.920 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó: 7.511 SV bằng đại học thứ nhất, 12 SV bằng đại học thứ hai, 78 SV học chương trình thứ hai, 121 SV liên thông, 01 SV cử tuyển, 176 SV xét tuyển thẳng và 21 SV dự bị đại học⁴⁷. Số SV tốt nghiệp năm 2023 nhiều hơn 83 SV so với năm 2022 (năm 2022 là 7.837 SV). Trong đó có 4.983 SV/6.634 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỷ lệ 75,1% (năm 2022 là 5.617 SV/7.520 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỷ lệ 74,7%).

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

Với CTĐT trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đã được phê duyệt và thực hiện từ năm 2022⁴⁸, Trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh để đảm bảo CTĐT được vận hành phù hợp với thực tiễn: điều chỉnh các ngành phù hợp bổ sung kiến thức, học phần bổ sung kiến thức đối với ngành Chính sách công trình độ thạc sĩ⁴⁹.

Trường tiếp tục kiểm tra, cập nhật đề cương chi tiết học phần trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ để đảm bảo công khai khóa nội dung giảng dạy, giúp người học và các bên liên quan tiếp cận và nhận đủ thông tin cần thiết.

Để thúc đẩy công tác tuyển sinh đạt hiệu quả, Trường đã linh hoạt điều chỉnh các định hướng đào tạo theo định hướng nghiên cứu hay ứng dụng, cho phép tuyển sinh cả hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng đối với các ngành đặc thù như Luật kinh tế, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. Đối với ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, tỷ lệ tuyển sinh năm 2023 tăng cao so với năm 2022 (năm 2023 có 28 học viên

⁴⁵ Căn cứ Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh; Căn cứ Quyết định số 2077/QĐ-ĐHCT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình hành động giai đoạn 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh.

⁴⁶ Hội nghị, hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT để mở ngành/chuyên ngành đào tạo hoặc cải tiến CTĐT. Hội nghị/hội thảo về công tác kiểm định chất lượng; đào tạo trực tuyến; công tác đánh giá học phần đáp ứng chuẩn đầu ra; phương pháp giảng dạy học phần theo lĩnh vực đào tạo; giải pháp nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ; triển khai phần mềm quản lý đào tạo; sơ kết hoạt động đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ đại học;... Tập huấn về công tác kiểm định chất lượng; sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến và tổ chức thi trực tuyến;...

⁴⁷ **Tốt nghiệp Đợt 1:** có 3.334 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó: 3.155 SV bằng đại học thứ nhất, 05 SV bằng đại học thứ hai, 34 SV học chương trình thứ hai, 71 SV liên thông, 0 SV cử tuyển, 59 SV xét tuyển thẳng và 10 SV dự bị đại học. **Tốt nghiệp Đợt 2:** có 3.142 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó 2.978 SV bằng đại học thứ nhất, 06 SV bằng đại học thứ hai, 35 SV học chương trình thứ hai, 35 SV liên thông, 0 SV cử tuyển, 84 SV xét tuyển thẳng và 04 SV dự bị đại học. **Tốt nghiệp Đợt 3:** có 1.444 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó 1.378 SV bằng đại học thứ nhất, 01 SV bằng đại học thứ hai, 09 SV học chương trình thứ hai, 15 SV liên thông, 01 SV cử tuyển, 33 SV xét tuyển thẳng và 07 SV dự bị đại học. Số SV tốt nghiệp năm 2023 nhiều hơn 83 SV so với năm 2022 (năm 2022 là 7.837 SV). Năm 2023, có 4.983 SV/6.634 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỷ lệ 75,1% (năm 2022 là 5.617 SV/7.520 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỷ lệ 74,7%).

⁴⁸ Quyết định số 889/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 03 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ trình độ tiến sĩ.

⁴⁹ Quyết định số 807/QĐ-ĐHCT ngày 02 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Chính sách Công, áp dụng từ năm 2023.

trúng tuyển/75 chỉ tiêu, đạt tỷ lệ 37,3%, năm 2022 chỉ có 6 học viên, tỷ lệ 6%).

Kết quả đào tạo, năm 2023 (tính đến 30/10/2023), có 421 học viên thạc sĩ và 47 nghiên cứu sinh tốt nghiệp. Tỷ lệ thạc sĩ tốt nghiệp đúng hạn đối với khóa tuyển sinh 2021 là 54,5%; tăng so với khóa tuyển sinh 2020 là 42,86%. Đối với đào tạo tiến sĩ, năm 2023 có 06 nghiên cứu sinh tốt nghiệp đúng hạn, năm 2022 chỉ có 02 nghiên cứu sinh tốt nghiệp đúng hạn.

Trường cũng đã triển khai, tổ chức Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học và phát triển đào tạo quốc tế ở Trường ĐHCT”⁵⁰. Hội thảo đánh giá thực trạng công tác đào tạo sau đại học của Trường ĐHCT giai đoạn 2019 đến 2023 và đề xuất các giải pháp quản lý đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giải pháp duy trì và phát triển ngành đào tạo, chú trọng đào tạo quốc tế, giảng dạy bằng tiếng Anh; làm cơ sở cho phát triển đào tạo sau đại học từ 2023-2025 và định hướng đến 2030.

c) Liên kết đào tạo

Năm 2023, Trường tuyển sinh và khai giảng 16 lớp hình thức VLVH bao gồm các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, CNTT, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy và Giáo dục thể chất. Đối tượng người học hình thức VLVH gồm: tốt nghiệp THPT, trung cấp, cao đẳng, đại học. Trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho 1.261 sinh viên hình thức VLVH.

Đối với hình thức Đào tạo từ xa, Trường tổ chức tuyển sinh 3 đợt trong năm. Năm 2023 có 1.073 sinh viên tốt nghiệp và được cấp bằng.

Trường Tổ chức hai đợt trao bằng tốt nghiệp trực tiếp các hình thức đào tạo VLVH và đào tạo từ xa tại Trường ĐHCT thu hút gần 900 sinh viên cùng nhiều người thân đến dự trực tiếp và theo dõi qua livestream facebook.

Hoạt động thu hút người học được thực hiện thông qua nhiều kênh, bao gồm: thông báo tuyển sinh tại Trường và 13 Đơn vị liên kết; Phối hợp với các đơn vị liên kết quảng cáo, quảng bá trên website, facebook, đăng thông tin tuyển sinh trên báo giấy.

2.2. Hoạt động khoa học và công nghệ

Trường đã ban hành Quy chế Quản lý hoạt động KH&CN Trường ĐHCT; Xây dựng kế hoạch và các giải pháp nâng cao chất lượng Tạp chí Khoa học (tiếng Anh) của Trường đạt chuẩn quốc tế thuộc Scopus đến năm 2025; Tiếp tục triển khai: kế hoạch thực hiện nghị quyết số 160-NQ/ĐU ngày 09/09/2022 của Đảng ủy Trường ĐHCT về tiếp tục đẩy mạnh công tác đối ngoại và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ cộng đồng; các nội dung Chỉ thị số 02-CT/ĐU ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy về “*Đẩy mạnh công tác công bố khoa học và xuất bản quốc tế*”; nhiệm vụ KH&CN theo 7 lĩnh vực NCKH ưu tiên, đồng thời tăng cường tham gia tuyển chọn đề tài địa phương/doanh nghiệp, đề tài, dự án cấp nhà nước và bộ ngành theo đặt hàng.

Triển khai thực hiện các đề tài NCKH được phê duyệt (348 đề tài sinh viên, 204 đề tài cán bộ, 2 Đề tài cấp quốc gia (quỹ Nafosted), 23 đề tài cấp Bộ, 21 đề tài hợp tác với địa phương được ký mới. Ký kết 09 hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ, quy trình cho địa phương và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Trường cũng tiếp tục triển khai đăng ký seminar cho cán bộ với tổng cộng 486 báo cáo được phê duyệt.

Đẩy mạnh công tác đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ các công trình đặc thù và

⁵⁰ Hội thảo đào tạo sau đại học ngày 23 tháng 12 năm 2023.

có tính thương mại cao, tiếp cận đăng ký sở hữu trí tuệ quốc tế. Năm 2023, Trường có 10 hồ sơ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

Triển khai và thực hiện tốt vai trò sáng lập, chủ trì và điều phối Diễn đàn phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (SDMD 2045) nhằm quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Trường trong khu vực và trên thế giới. Đã thực hiện thành công tọa đàm cho 4 quý năm 2023 với các chủ đề liên quan đến phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tổ chức Hội nghị “Sinh viên nghiên cứu khoa học Trường ĐHCT” năm 2023. Triển khai cho sinh viên Trường ĐHCT tham gia Giải thưởng KHCN dành cho SV trong các CSGDDH năm 2023 do Bộ GD&ĐT tổ chức (đạt 1 giải nhất, 4 giải Nhì, 3 giải Ba và 6 giải Khuyến khích).

2.3. Hợp tác trong nước và quốc tế

2.3.1 Hợp tác trong nước

Trường ĐHCT tiếp tục mở rộng hợp tác với các địa phương, viện, trường và doanh nghiệp trong nước. Năm 2023, Trường đã:

- + Ký kết hợp tác toàn diện với tỉnh Kiên Giang
- + Ký kết hợp tác với huyện Mộc Hóa – tỉnh Long An, huyện Vĩnh Thuận - tỉnh Kiên Giang; Sơ kết việc ký kết hợp tác giữa UNBD Huyện Phụng Hiệp và Trường ĐHCT
- + Ký kết hợp tác với 12 doanh nghiệp, tổ chức viện trường, hiệp hội trong nước như Công ty CP bóng đèn, phích nước Rạng Đông, Viettel Cần Thơ, Công ty CP RYAN TECHNOLOGIES VN, Hiệp hội du lịch ĐBSCL, Quỹ đổi mới Giáo dục Việt Nam, ...

2.3.2. Hợp tác quốc tế

Trường đã xây dựng Quy định Tiếp nhận, Đào tạo và Quản lý Lưu học sinh đến học tập, nghiên cứu tại Trường ĐHCT, thay Quy chế quản lý lưu học sinh thay thế cho Quyết định 777/QĐ-ĐHCT; Quy chế Quản lý Hoạt động Hợp tác Quốc tế của Trường ĐHCT.

Bước đầu khai thác nguồn lực được đầu tư từ Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT để phát triển Trường ĐHCT đạt đẳng cấp quốc tế; Công tác triển khai thực hiện Dự án Hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 và Dự án sử dụng nguồn vốn kết dư; Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để xin sử dụng vốn kết dư của Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ để xây dựng Trung tâm Đào tạo quốc tế (IETC) và đầu tư bổ sung trang thiết bị và chuyển đổi số.

Năm 2023, hoạt động hợp tác quốc tế của Trường đã phục hồi và phát triển mạnh sau đại dịch, khẳng định vị thế của Trường trong cộng đồng quốc tế. Tính đến tháng 11/2023 Trường đã đón tiếp 330 đoàn với 1.654 lượt khách quốc tế đến làm việc, trao đổi, nghiên cứu và học tập, trong đó có các đoàn khách quan trọng như: Đại sứ và tổng lãnh sự các nước: Thụy Sĩ; Hoa Kỳ; Thụy Điển, Úc, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Philippine..., Đoàn thượng nghị sĩ Hoa Kỳ, Tổng giám đốc USAID.

Về hoạt động trao đổi sinh viên, Trường đã cử 461 lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi sinh viên tại 12 quốc gia (Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Lào, Đài Loan, Nhật Bản, Anh, Mỹ, Ý, Hy Lạp và Ba Lan), trong đó nhiều nhất là tại Thái Lan (212 sinh viên – 46%), Đài Loan (104 sinh viên – 22,6%) và Malaysia (77 sinh viên – 16,7%). Thời gian của các chương trình trao đổi chủ yếu là ngắn ngày; có 38 trường hợp tham gia chương trình từ một tháng trở lên, trong đó có 13 trường hợp (2,8

%) đi trao đổi một học kỳ (từ 3 đến 4 tháng) tại các trường đối tác Đài Loan, Thái Lan, Nhật và Lào. Bên cạnh đó, Trường đã đón 387 sinh viên, nghiên cứu sinh đến trao đổi, giao lưu, học tập ngắn hạn (245 SV, NCS) và dài hạn (142 SV, NCS học từ 1 tháng đến 7 tháng). Đặc biệt là chương trình Học phần nhiệt đới phục hồi mạnh mẽ với tổng cộng 05 đoàn/118 sinh viên đến từ các trường Đại học của Ấn Độ, Hàn Quốc, Anh quốc,... đến học tập, giao lưu, từ 01 đến 02 tháng.

Về xúc tiến hợp tác, Trường tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai ký kết biên bản ghi nhớ với các đối tác quốc tế. Tính đến đầu tháng 12/2023, trường đã ký kết 26 Biên bản ghi nhớ hợp tác và Thỏa thuận với các Viện, trường, doanh nghiệp nước ngoài đến từ Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ, trong đó chiếm đa số là các đối tác đến từ Nhật Bản (35%), Đài Loan (15%) (Bảng 5). Tiếp tục gia hạn với 11 đối tác nhằm đẩy mạnh triển khai các dự án đang thực hiện và ngày càng thắt chặt thêm mối quan hệ hữu nghị, hợp tác cùng phát triển trên các lĩnh vực giáo dục và chuyên giao công nghệ.

Xúc tiến dự án Hợp tác quốc tế: Trong năm 2023, Trường ĐHCT đã phối hợp với các đối tác xúc tiến thành công 37 đề tài, chương trình và dự án mới với tổng giá trị kinh phí thực hiện là 56.38 tỷ đồng; Trường cũng đang xúc tiến một số dự án lớn (đến hàng triệu USD) với các đối tác Hoa Kỳ và tổ chức quốc tế sẽ được triển khai trong thời gian tới.

Bảng 5. Danh sách đối tác quốc tế ký kết biên bản ghi nhớ năm 2023

STT	Tên trường / Tổ chức	Ngày ký	Đơn vị	Quốc gia	Châu lục
1	Naruto University of Education (MoU + MoA)	30/1/2023	Viện/Trường	Nhật Bản	Châu Á
2	Takesho Food & Ingredients Inc., together with Hydro Powtech Japan Co., Ltd. and Takesho Food Vietnam Company Limited (Extension), Japan	1/3/2023	Doanh nghiệp	Nhật Bản	Châu Á
3	Kangwon National University, Republic of Korea	17/3/2023	Viện/Trường	Hàn Quốc	Châu Á
4	Kyoto University, Japan	20/3/2023	Viện/Trường	Nhật Bản	Châu Á
5	Takesho Food and Ingredients Inc and Takesho Food Vietnam Co. Ltd.	23/3/2023	Doanh nghiệp	Nhật Bản	Châu Á
6	Osaka Metropolitan University, Japan (MoU + MoA)	6/4/2023	Viện/Trường	Nhật Bản	Châu Á
7	Andong National University, Korea	7/4/2023	Viện/Trường	Hàn Quốc	Châu Á
8	Nippon Koei Co., Ltd., Japan	13/4/2023	Doanh nghiệp	Nhật Bản	Châu Á
9	Ming Chi University of technology, Taiwan	8/5/2023	Viện/Trường	Đài Loan	Châu Á
10	University of South Wales, United Kingdom	16/5/2023	Viện/Trường	Anh	Châu Âu
11	Lotte Co.Ltd., Hydro Powtech Japan Co., Ltd., Takesho Food and Ingredients Inc, Takesho Food Vietnam Co., Ltd. Japan	24/5/2023	Doanh nghiệp	Nhật Bản	Châu Á
12	Princeton in Asia, US	1/6/2023	Tổ chức	Mỹ	Châu Mỹ
13	University of Namur, Belgium	1/6/2023	Viện/Trường	Vương quốc Bỉ	Châu Âu
14	Agritree Co., Ltd., Japan	1/8/2023	Doanh nghiệp	Nhật Bản	Châu Á

STT	Tên trường / Tổ chức	Ngày ký	Đơn vị	Quốc gia	Châu lục
15	Naresuan University, Thailand	1/8/2023	Viện/Trường	Thái Lan	Châu Á
16	Tokyo University of Marine Science and Technology (MOU + MOA)	3/8/2023	Viện/Trường	Đài Loan	Châu Á
17	National Taiwan University of Science and Technology, Taiwan	21/8/2023	Viện/Trường	Đài Loan	Châu Á
18	I-shou University, Taiwan	30/8/2023	Viện/Trường	Đài Loan	Châu Á
20	CIRAD	6/9/2023	Tổ chức	Pháp	Châu Âu
19	Michigan State University, US	6/9/2023	Viện/Trường	Hoa Kỳ	Châu Mỹ
21	Institut Teknologi Nasional Bandung, Indonesia	21/9/2023	Viện/Trường	Indonesia	Châu Á
22	Nakhon Pathom Rajabhat University, Thailand	26/9/2023	Viện/Trường	Thái Lan	Châu Á
23	Sagri Corporation private limited, Singapore	27/9/2023	Doanh nghiệp	Singapore	Châu Á
24	Changlenges Abroad Ltd, UK	24/10/2023	Tổ chức	Anh	Châu Âu
25	Ghent University (MOA -SIP)	31/10/2023	Viện/Trường	Bi	Châu Âu
26	Tottori University, Japan	31/10/2023	Viện/Trường	Nhật Bản	Châu Á

Về thủ tục tiếp nhận và triển khai dự án: 03 dự án⁵¹ đã nhận được phê duyệt của Bộ GD&ĐT, 02 dự án khác⁵² đã trình văn kiện đến Bộ GD&ĐT để có ý kiến thẩm định từ các cơ quan chuyên môn.

Về Hợp tác chuyên giao công nghệ cho các nước đang phát triển, Trường đã thực hiện:

- + Hỗ trợ nuôi các bản địa nước ngọt cho Campuchia.
- + Tư vấn thiết kế trại sản xuất giống cá nước ngọt và thực hành sản xuất giống một số loài cá bản địa Campuchia cho trường Đại học Nông nghiệp Hoàng Gia Campuchia.
- + Vận hành sản xuất giống một số loài cá bản địa của Campuchia (cá lóc, cá trê vàng, ...) cho trường Đại học Nông nghiệp Hoàng Gia Campuchia.
- + Tư vấn xây dựng trang trại sản xuất giống thủy sản, chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt (đề tài Trei Kaon).

2.4 Chuyển đổi số và truyền thông trên mạng

Trường tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh và Quyết định số 2077/QĐ-ĐHCT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình hành động giai đoạn 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh. Trường đã ban hành Quy định về quản lý, khai thác Mạng thông tin Trường ĐHCT.

⁵¹ Hỗ trợ giảm thiểu sử dụng các chất kháng sinh trong nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long (dự án RAUS); Chương trình Giáo dục Môi trường vùng đồng bằng sông Cửu Long do USAID tài trợ; Nâng cao năng lực cho thanh niên trong ứng dụng năng lượng tái tạo và canh tác nông nghiệp ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (dự án OXFAM).

⁵² Kết nối khoảng cách số giữa Mông Cổ và Việt Nam thông qua chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học (viết tắt: DIGITAL - MOVE); Đa dạng hoá loài thủy sản nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long qua chọn lọc loài cá da trơn nước lợ: Cách tiếp cận đa chiều trong phát triển bền vững (DIVERSAQUA)

Trong năm qua, Trường đã triển khai: (1) bổ sung hơn 94 điểm truy cập wifi mới, nâng số lượng điểm truy cập lên trên 818 điểm; (2) bổ sung 02 kênh truyền Internet tốc độ cao, nâng tổng dung lượng đường truyền Internet của Trường lên khoảng 650Mbps quốc tế/4000Mbps trong nước; (3) Hoàn thành nâng mạng trục lên 10Gbps, tiếp tục nâng cấp và mở rộng mạng LAN các đơn vị. Hệ thống mạng và Trung tâm Dữ liệu luôn được duy trì hoạt động an toàn, ổn định và không xảy ra sự cố lớn, kéo dài. Ngăn chặn kịp thời các thông tin xấu, độc hại và virus phát tán trên hệ thống mạng Trường.

Năm 2023, Trường đã đầu tư gần 3 tỷ VNĐ để tiếp tục được nâng cấp Hệ thống Thông tin tích hợp (HTTH). Hiện HTTH với 27 phân hệ, cùng với ứng dụng di động MyCTU đã giúp Trường tin học hóa hầu hết các hoạt động quản lý, điều hành. Hầu hết các hoạt động trong trường liên quan đến giảng viên và người học đều được thực hiện trực tuyến trên môi trường mạng. Ứng dụng di động MyCTU cung cấp số liệu thống kê, báo cáo theo thời gian thực. Hệ thống văn phòng điện tử eoffice đã hoạt động tương đối ổn định, năm qua hệ thống đã luân chuyển trên 40,000 lượt văn bản. Hệ thống đăng ký xét tuyển học bạ trực tuyến của Trường phục vụ việc đăng ký xét tuyển của hơn 20,000 thí sinh.

Phần mềm quản lý dạy, học và thi trực tuyến của Trường (LMS) được duy trì hoạt động ổn định, tiếp tục được nâng cấp và cải tiến: HK2, 2022-2023 số học phần tổ chức dạy và thi trên elearning tương ứng là 178 và 111; HK1, 2023-2024 số học phần tổ chức dạy và thi trên elearning tương ứng là 318 và 151. Ngoài ra mỗi học kỳ có trung bình 300 lớp học phần được triển khai trên nền tảng Elearning của Google (*Google Classroom*).

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thông tin - truyền thông trên môi trường mạng, cập nhật thường xuyên, kịp thời và chính xác thông tin lên Website và các mạng xã hội. Tính đến 11/2023, Tổ truyền thông đã đăng 734 bài lên Website và các mạng xã hội Trường. Trực quan hóa các sự kiện, tin tức thông qua xây dựng bản tin: 22 bản tin video, 04 infographic, 24 video ngắn và 45 buổi livestream.

3. Tài chính và tài sản

3.1. Tài chính

3.1.1. Kế hoạch thực hiện nguồn thu

Tổng nguồn thu trong năm 2023 đạt 681,0 tỷ đồng, tăng 4,1% so với năm 2022, giảm 15,5% so với kế hoạch 2023. Trong đó:

(1) Nguồn NSNN cấp bù sự phạm, sinh hoạt phí theo Nghị định 116, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập sinh viên là 25,2 tỷ đồng, giảm 24,5% so với năm 2022, giảm 67,7% so với kế hoạch 2023, nguyên nhân giảm là do NSNN không cấp bù đủ phần học phí, đặc biệt không cấp kinh phí để chi sinh hoạt phí theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP (thiếu năm 2022 là 6 tỷ và cả năm 2023 42,3 tỷ đồng).

(2) Nguồn thu sự nghiệp đạt 655,8 tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm 2022, giảm 9,9% so với kế hoạch 2023. Trong đó, học phí chính quy ước đạt 532,0 tỷ đồng, tăng 6,1% so với 2022, nhưng giảm 12,8% so với kế hoạch 2023; học phí liên kết đào tạo ước đạt 55,0 tỷ đồng (tăng 14,6%), học phí Trường THSP ước đạt 8,3 tỷ đồng, tăng 15,3% so với 2022 nhưng giảm 4,6% so kế hoạch 2023, các nguồn thu sự nghiệp khác ước đạt 60,5 tỷ đồng, giảm 5,5% so với 2022 nhưng tăng 12,0% so với kế hoạch 2023.

Thực hiện Nghị quyết 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ (ban hành cuối năm 2022), Trường phải thực hiện hoàn toàn trả học phí học kỳ 1 năm học 2022-2023 vào năm 2023. Do đó nguồn thu học phí trong năm 2023 bị sụt giảm 78 tỷ đồng (giảm 12,8%).

3.1.2. Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ chi

Tổng chi trong năm 2023 ước 692,9 tỷ đồng bao gồm cả chi từ các nguồn quỹ, tăng 3,5% so với năm 2022, giảm 15,9% so với kế hoạch 2023. Trong đó:

(1) Chi trực tiếp từ nguồn thu có trong năm ước 646,4 tỷ đồng (tăng 11,9% so với năm 2022), nguyên nhân chính là do các khoản chi sửa chữa, bảo dưỡng và mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên;

(2) Chi từ các nguồn quỹ ước là 46,9 tỷ đồng (giảm 49,1% so với năm 2022), nguyên nhân chủ yếu là không đối ứng vào dự án ODA thêm 20 tỷ đồng do hồ sơ chưa được Chính phủ phê duyệt.

Cụ thể các nhóm chi:

(i) Nhóm chi thanh toán cho cá nhân là 318,3 tỷ đồng, tăng 14,2% so với 2022, (giảm 9,6% với kế hoạch 2023), nguyên nhân chính là do mức lương cơ sở tăng 20,8% và chi thu nhập tăng thêm có tăng định mức theo Quy chế CTNB;

(ii) Nhóm chi về hàng hóa và dịch vụ cho hoạt động chuyên môn là 292,2 tỷ đồng, tăng 5,4% so với năm 2022 (giảm 1,5% so với kế hoạch), do chi phí thực hành thực tế tăng, các khoản chi sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm thiết bị phục vụ chuyên môn tăng, chi cho hoạt động kiểm định cũng tăng nhiều hơn;

(iii) Nhóm chi phí khác 52,0 tỷ đồng giảm 20,2% so với năm 2022 (giảm 49,7% so với kế hoạch 2023), nguyên nhân chính là nguồn NSNN cấp bù không đủ bù đắp phần học phí, đặc biệt là kinh phí chi sinh hoạt phí theo Nghị định 116/NĐ-CP không có (năm 2023 NSNN cấp còn thiếu 48,3 tỷ đồng); chi hoạt động phúc lợi, khen thưởng là 13,6 tỷ đồng, bao gồm cả thưởng bài báo hạng Q; chi nộp thuế TNDN (2% học phí) ước 13,0 tỷ đồng;

(iv) Nhóm chi đầu tư, mua sắm đào tạo,... là 30,4 tỷ đồng (giảm 37,2%), do không đối ứng vốn cho dự án ODA; chi mua sắm tài sản 17,3 tỷ đồng, chi đầu tư cải tạo đoạn đường từ Công B đến Trường Thủy sản gần 7 tỷ đồng, chi phí đào tạo bồi dưỡng chuyên môn 3,6 tỷ đồng... (chi tiết ở Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

Bảng 6. Ước thực hiện nguồn thu-chi năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022			Ước thực hiện 2023			So sánh 2022/2021 (±%)
	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	
TỔNG NGUỒN	1.098.313	710.220	388.093	1.132.137	721.496	410.641	3,1
<i>Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>444.268</i>	<i>56.175</i>	<i>388.093</i>	<i>451.160</i>	<i>40.519</i>	<i>410.641</i>	<i>1,6</i>
A. Thu trong kỳ	654.045	654.045		680.977	680.977	0	4,1
a.NS bù SP, miễn giảm HP	33.345	33.345		25.177	25.177	0	-24,5
b.Nguồn sự nghiệp để lại	620.700	620.700		655.800	655.800	0	5,7
B. Chi trong kỳ	669.574	577.385	92.189	692.890	646.009	46.881	3,5
1.Nhóm chi cho cá nhân	278.778	278.778	0	318.268	318.268	0	14,2
2.Nhóm chi hàng hóa dịch vụ	277.297	250.227	27.070	292.232	287.732	4.500	5,4
3.Nhóm chi khác	65.177	45.710	19.467	52.032	38.482	13.550	-20,2
4.Nhóm chi đầu tư	48.322	2.670	45.652	30.358	1.527	28.831	-37,2

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022			Ước thực hiện 2023			So sánh 2022/2021 (±%)
	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	
C. Cân bằng thu chi (A-B)	-15.529	76.660	-92.189	-11.913	34.968	-46.881	-23,3
Trích lập các quỹ		100.117			34.000		
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>451.160</i>	<i>40.519</i>	<i>410.641</i>	<i>405.247</i>	<i>41.487</i>	<i>363.760</i>	<i>-10,2</i>

(xem chi tiết ở Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

3.1.3 Thực hiện kế hoạch giải ngân dự án ODA

Tổng kinh phí giải ngân lũy kế đến năm 2022 là 1.647,7 tỷ đồng, trong đó NSNN cấp là 1.379,2 tỷ đồng, vốn vay lại 110,2 tỷ đồng, vốn đối ứng đã sử dụng là 158,2 tỷ đồng. Số dư vốn đối ứng chuyển sang năm 2023 là 63,96 tỷ đồng.

Năm 2023, nguồn NSNN cấp cho dự án 25,9 tỷ đồng, đã giải ngân hết 100% nguồn NSNN, và sử dụng vốn đối ứng chi cho hoạt động hành chính ước 2,8 tỷ đồng. Như vậy đến cuối năm 2023, tổng số vốn đối ứng vào dự án là 222,2 tỷ đồng, đã sử dụng 161,0 tỷ đồng, vốn đối ứng tích lũy dư chuyển sang năm 2024 là 61,2 tỷ đồng.

Bảng 7. Lũy kế giải ngân và thực hiện năm 2023 của Dự án nâng cấp Trường ĐHCT

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tổng vốn dự án	Thanh toán lũy kế đến 2022	Thực hiện 2023
Tổng nguồn vốn	2.250.000	1.647.663	28.690
-Ngân sách cấp	1.781.640	1.379.194	25.890
-Vốn vay lại (NCKH)	82.366	82.366	
-Vốn vay lại (Đào tạo)	47.794	27.872	
-Vốn đối ứng	338.200	158.231	2.800

Tính đến hết năm 2023, Trường ĐHCT đã cấp cho vốn đối ứng đã cấp cho Nâng cấp Trường ĐHCT là 222.192 triệu đồng. Như vậy, số dư vốn đối ứng tính đến hết năm 2023 là 61.161 triệu đồng.

3.1.4. Tổ chức thực hiện các Quy chế nội bộ trong năm 2023

Đầu năm 2023, Trường đã điều chỉnh bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 346/QĐ-ĐHCT ngày 06/02/2023), điều chỉnh bổ sung một số mục chi thu nhập tăng thêm cho viên chức người lao động cho phù hợp với thực tế và được áp dụng từ năm 2023.

Tổ chức thực hiện việc chi tiêu, sử dụng kinh phí của Trường năm 2023 theo đúng các quy định, chế độ tiêu chuẩn và định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Thực hiện đề xuất phân quyền tự chủ tài chính cho đơn vị trực thuộc mua sắm, sửa chữa thiết bị được thanh toán kinh phí đến mức dưới 100 triệu đồng/lần thanh toán.

3.1.5. Kết luận kiểm toán Nhà nước năm 2023 (niên độ tài chính 2022)

Theo Quyết định số 829/QĐ-KTNN ngày 08/6/2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước về Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học và công nghệ giai đoạn 2020 – 2022, Đoàn kiểm toán Nhà nước làm việc từ ngày 27/6/2023 đến 17/7/2023, và thông báo kết quả kiểm toán số 601/TB-KTNN ngày 16/10/2023 kiến nghị về tài chính như sau:

(1) Nộp khoản thuế TNDN tăng thêm 27.003.480 đồng: Trung tâm Công nghệ phần mềm đã nộp NSNN.

(2) Thu hồi nộp NSNN 6.812.208.800 đồng, gồm: kinh phí cấp bù học phí sư phạm 6.108.422.000 đồng; kinh phí miễn giảm thuộc diện chính sách 529.624.600 đồng; kinh phí đề tài, dự án 174.162.200 đồng: Trường đã thực hiện nộp NSNN

(3) Hoàn trả phần chênh lệch học phí cho sinh viên chưa điều chỉnh học phí theo Nghị quyết 165/NQ-CP số tiền 49.202.285.500 đồng: Trường đã thực hiện khấu trừ vào học phí đối với sinh viên đang học và hoàn trả đối với sinh viên tốt nghiệp.

3.2. Xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất và trang thiết bị

Căn cứ vào kế hoạch đã được Hội đồng Trường phê duyệt, Lãnh đạo Trường ĐHCT đã triển khai thực hiện công tác xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị như sau:

- Thực hiện các thủ tục xin phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2023 theo quy định và được Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 2094/QĐ-BGDĐT ngày 24/7/2023 Về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư năm 2023 (đợt 2) vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GD&ĐT, trong đó có Dự án Cải tạo đường nội bộ từ công B đến Khoa Thủy sản. Sau khi được Bộ GD&ĐT quyết định giao chi tiết kế hoạch đầu tư năm 2023, Trường ĐHCT đã tiến hành các bước tiếp theo trong việc lựa chọn nhà thầu và thi công công trình. Nhà trường đã hoàn thành công trình với kinh phí sử dụng 6,33 tỷ đồng/7,039 tỷ đồng dự toán (tiết kiệm 0,702 tỷ đồng). Cùng với công trình Cải tạo đoạn đường phía sau Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu – ĐHCT (Tòa nhà RLC), Dự án Cải tạo đường nội bộ từ công B đến Khoa Thủy sản đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông tại Khu II cũng như tạo thêm mỹ quan cho khu vực quanh Tòa nhà RLC.

- Đối với việc tiếp nhận cơ sở vật chất tại tỉnh Sóc Trăng để xây dựng thành Phân hiệu Trường ĐHCT tại tỉnh Sóc Trăng: thời gian qua Nhà trường cũng đã tích cực liên hệ với tỉnh Sóc Trăng và làm công văn gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để được tiếp nhận. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn các vướng mắc từ Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính nên chưa thể tiếp nhận được.

- Đối với Khu Măng Đen: do chủ trương của tỉnh Kon Tum có thay đổi nên đến nay quy hoạch Khu Măng Đen vẫn chưa được phê duyệt. Do đó, việc triển khai các công trình phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học vẫn chưa thực hiện được.

- Trường đã tiếp nhận bàn giao các công trình: Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu (Tòa nhà RLC) và Tòa nhà Công nghệ cao (Tòa nhà ATL) từ Ban QLDA ODA và bước đầu đã giao cho các đơn vị đưa vào khai thác, sử dụng.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ: hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống chống sét và báo cháy, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh môi trường... được thực hiện định kỳ; Công tác kiểm tra, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các nhà học trong Trường được thực hiện định kỳ vào cuối mỗi học kỳ và sửa chữa khi cần thiết.

- Đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm: Trên cơ sở kế hoạch xây dựng, cải tạo, sửa chữa và mua sắm tài sản năm 2023 được Hội đồng Trường phê duyệt theo Nghị quyết 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 và sau đó được điều chỉnh theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐT ngày 19 tháng 7 năm 2023, Hiệu trưởng Trường ĐHCT đã ban hành Quyết định số 154/QĐ-ĐHCT ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc

giao dự toán kinh phí cho các đơn vị thuộc Trường. Theo đó, Hiệu trưởng giao cho Phòng Quản trị-Thiết bị 65 tỷ đồng cho việc xây dựng, cải tạo, sửa chữa và mua sắm năm 2023 để thực hiện các hạng mục, nội dung từ trong danh mục đã được Hội đồng Trường thông qua. Trong năm 2023, Phòng Quản trị - Thiết bị đã sử dụng 57,26 tỷ đồng trong việc thực hiện việc cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm nhà cửa, vật kiến trúc, hệ thống điện, thông tin liên lạc, cấp thoát nước, cảnh quan môi trường (chiếm tỷ lệ 88,08% so với kinh phí do Hiệu trưởng phân giao) cụ thể như sau:

Bảng 8. Tóm tắt kinh phí Xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất và trang thiết bị năm 2023

STT	Nội dung	Kinh phí (triệu đồng)		
		HĐT phê duyệt	Sử dụng	Tiết kiệm
1	Đã hoàn thành	62.805,00	57.255,35	5,549.65
2	Không thực hiện	250,00	-	-
3	Chưa thực hiện	2.450,00	-	-
4	Chưa thực hiện 2023 và đưa vào KH 2024	1.310,00	-	-
	Tổng cộng	66.815,00	57.255,35	5,549.65

So với dự toán thì quá trình thực hiện đã tiết kiệm được 5,55 tỷ đồng, tiết kiệm được 8,97% so với dự toán các hạng mục được Hội đồng Trường thông qua (chi tiết trong *Phụ lục 3* và *Phụ lục 4*). Phần kinh phí tiết kiệm được giữ trong ngân sách của Trường.

Cũng theo Quyết định số 154/QĐ-ĐHCT ngày 13 tháng 01 năm 2023, Hiệu trưởng giao cho Phòng Quản trị-Thiết bị 2 tỷ đồng để thực hiện cải tạo, sửa chữa các hạng mục liên quan đến hoạt động sản xuất dịch vụ của Trường. Phòng Quản trị - Thiết bị đã sử dụng 1,95 tỷ đồng/2 tỷ đồng được phân bổ (Danh mục các công trình, hạng mục được thể hiện trong *Phụ lục 5*)

Bên cạnh đó, xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị, Nhà trường cũng giao cho Phòng Quản trị - Thiết bị hỗ trợ các đơn vị thực hiện 04 hạng mục công trình với tổng kinh phí 2.137,12 triệu đồng (*Phụ lục 6*).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban giám hiệu
- Các Phòng, Ban trong trường;
- Lưu: VT, VPT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

Phụ lục 1
ƯỚC THỰC HIỆN THU - CHI NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022			Ước thực hiện 2023			So sánh 2023/2022 (±%)
	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	
TỔNG NGUỒN	1.098.313	710.220	388.093	1.132.137	721.496	410.641	3,1
<i>Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>444.268</i>	<i>56.175</i>	<i>388.093</i>	<i>451.160</i>	<i>40.519</i>	<i>410.641</i>	<i>1,6</i>
A. Thu trong kỳ	654.045	654.045		680.977	680.977		4,1
a.NS cấp bù SP, miễn giảm HP	33.345	33.345		25.177	25.177		-24,5
b.Nguồn sự nghiệp để lại	620.700	620.700		655.800	655.800		5,7
Tr.đó: -Học phí CQ	501.500	501.500		532.000	532.000		6,1
-Liên kết đào tạo	48.000	48.000		55.000	55.000		14,6
-Trường THSP	7.200	7.200		8.300	8.300		15,3
-Sự nghiệp khác	64.000	64.000		60.500	60.500		-5,5
B. Chi trong kỳ	669.574	577.385	92.189	692.890	646.009	46.881	3,5
<i>1.Nhóm chi cho cá nhân</i>	<i>278.778</i>	<i>278.778</i>		<i>318.268</i>	<i>318.268</i>		<i>14,2</i>
-Tiền lương, các khoản theo lương	177.799	177.799		198.919	198.919		11,9
-Tiền công LĐ thường xuyên	3.514	3.514		1.100	1.100		-68,7
-Học bổng sinh viên	36.000	36.000		37.646	37.646		4,6
-Khoản thanh toán cho cá nhân	61.465	61.465		80.603	80.603		31,1
<i>2.Nhóm chi về hàng hóa dịch vụ</i>	<i>277.297</i>	<i>250.227</i>	<i>27.070</i>	<i>292.232</i>	<i>287.732</i>	<i>4.500</i>	<i>5,4</i>
-Thanh toán dịch vụ công cộng	25.803	25.803		30.623	30.623		18,7
-Vật tư văn phòng	4.197	4.197		4.374	4.374		4,2
-Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.014	6.014		6.051	6.051		0,6
-Hội nghị	2.523	2.523		2.025	2.025		-19,7
-Công tác phí	2.652	2.652		3.185	3.185		20,1
-Chi phí thuê mướn	15.756	15.756		14.262	14.262		-9,5
-Chi đoàn ra, đoàn vào	1.079	1.079		2.160	2.160		100,2
-Sửa chữa TS, công tác CM	35.770	11.520	24.250	39.327	34.827	4.500	9,9
-Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	183.503	180.683	2.820	190.224	190.224		3,7
<i>3.Nhóm chi khác</i>	<i>65.177</i>	<i>45.710</i>	<i>19.467</i>	<i>52.032</i>	<i>38.482</i>	<i>13.550</i>	<i>-20,2</i>
-Chi khác (miễn giảm học phí)	33.345	33.345		25.200	25.200		-24,4
-Thuế TNDN (2% học phí)	12.000	12.000		13.000	13.000		8,3
-Chi cho công tác Đảng	365	365		282	282		-22,7
-Chi phúc lợi, khen thưởng	19.467		19.467	13.550		13.550	-30,4
<i>4.Nhóm chi đầu tư</i>	<i>48.322</i>	<i>2.670</i>	<i>45.652</i>	<i>6.977</i>		<i>6.977</i>	
-Vốn đối ứng dự án ODA	20.000		20.000				-100,0
-Trả lãi nợ vay ODA	580		580	487		487	-16,0
-Chi đào tạo VCNLĐ	3.650		3.650	3.583		3.583	-1,8
-Mua sắm TS phục vụ CM	21.232	2.670	18.562	17.237	1.527	15.710	-18,8
-Mua sắm tài sản vô hình	2.860		2.860	2.074		2.074	-27,5
C. Cân bằng thu chi (A-B)	-15.529	76.660	-92.189	-11.913	34.968	-46.881	-23,3
Chi lập các quỹ	100.117	100.117	0	34.000	34.000	0	-66,0
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>451.160</i>	<i>40.519</i>	<i>410.641</i>	<i>405.247</i>	<i>41.487</i>	<i>363.760</i>	<i>-10,2</i>

Phụ lục 2

SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2023 VÀ THỰC HIỆN NĂM 2022

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022			Kế hoạch 2023			Ước thực hiện 2023			Ước TH 2023/ TH 2022 (±%)	Ước TH 2023 / KH 2023 (±%)
	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7)/(1)	(11)=(7)/(4)
TỔNG NGUỒN	1.098.313	710.220	388.093	1.256.860	846.219	410.641	1.132.137	721.496	410.641	3,1	-9,9
<i>Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>444.268</i>	<i>56.175</i>	<i>388.093</i>	<i>451.160</i>	<i>40.519</i>	<i>410.641</i>	<i>451.160</i>	<i>40.519</i>	<i>410.641</i>	<i>1,6</i>	<i>0,0</i>
A. Thu trong kỳ	654.045	654.045		805.700	805.700		680.977	680.977	0	4,1	-15,5
a.NS bù SP, miễn giảm HP	33.345	33.345		78.000	78.000		25.177	25.177	0	-24,5	-67,7
b.Nguồn sự nghiệp để lại	620.700	620.700		727.700	727.700		655.800	655.800	0	5,7	-9,9
B. Chi trong kỳ	669.574	577.385	92.189	823.489	732.010	91.479	692.890	646.009	46.881	3,5	-15,9
1.Nhóm chi cho cá nhân	278.778	278.778	0	352.043	352.043	0	318.268	318.268	0	14,2	-9,6
2.Nhóm chi hàng hóa dịch vụ	277.297	250.227	27.070	296.802	286.802	10.000	292.232	287.732	4.500	5,4	-1,5
3.Nhóm chi khác	65.177	45.710	19.467	103.401	93.039	10.362	52.032	38.482	13.550	-20,2	-49,7
4.Nhóm chi đầu tư	48.322	2.670	45.652	71.243	126	71.117	30.358	1.527	28.831	-37,2	-57,4
C. Cân bằng thu chi (A-B)	-15.529	76.660	-92.189	-17.789	73.690	-91.479	-11.913	34.968	-46.881	-23,3	-33,0
Trích lập các quỹ		100.117			72.000			34.000			
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>451.160</i>	<i>40.519</i>	<i>410.641</i>	<i>361.371</i>	<i>42.209</i>	<i>319.162</i>	<i>405.247</i>	<i>41.487</i>	<i>363.760</i>	<i>-10,2</i>	<i>12,1</i>

Phụ lục 3

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC XÂY DỰNG, CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MUA SẴM TÀI SẢN NĂM 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	KHU I	1.250,00	695,33	54,67	
1	Khoa Ngoại ngữ	350,00	312,36	37,64	
2	Chống thấm vách tường phòng làm việc các bộ môn, chống thấm sân nô các dãy B,C,D nhà học và văn phòng Khoa	200,00	187,36	12,64	
3	Thiết bị điện, điện tử (Tivi, Hệ thống âm thanh hội trường)	150,00	125,00	25,00	
2	Các khu vực công cộng - P.QTTB	900,00	382,97	17,03	
1	Cải tạo cảnh quan tại Khu I	100,00	97,04	2,96	
2	Đường bê tông và làm hàng rào tiếp giáp các hộ dân phía sau Khu I - ĐHCT	500,00			Chưa thực hiện
3	Cải tạo hệ cống thoát nước, san lấp chống ngập cạnh hàng rào Khu I - ĐHCT	300,00	285,93	14,07	
	Cải tạo cổng, xây bệ bảng tên, ốp bảng hiệu bằng đá trắng sứ vân, chữ Inox Khu I	181,00	181,00	-	Sử dụng kinh phí dự phòng (II.22.5), Phụ lục 4
II	KHU II	44.456,00	39.043,47	3.852,53	
1	Trường Bách khoa	4.706,00	4.302,81	403,19	
1	Cải tạo, chống sụp lún sảnh, nền, các PTN, vỉa hè, tam cấp, chống thấm khe lún tòa nhà chính Trường, cải tạo vách tường xường cơ khí, chống dột phòng thực hành ô tô	750,00	708,36	41,64	
2	Cải tạo các PTN, phòng dạy thực hành, khu vệ sinh Khoa Kỹ thuật Xây dựng & cải tạo mở rộng PTN cho Khoa Kỹ thuật Công trình Giao thông	700,00	602,95	97,05	

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
4	Cải tạo hệ thống lạnh cho phòng thực hành CAD/CAM/CNC Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí	370,00	327,96	42,04	
5	Sơn tường, cửa đi, cửa sổ Xưởng Cơ khí	80,00	78,70	1,30	
6	Máy toàn đạc điện tử Khoa Kỹ thuật thủy lợi (02 bộ)	256,00	188,25	67,75	
7	Thiết bị đối ứng tiếp nhận tài trợ của Công ty CP LUMI Việt Nam cho Khoa Điện tử Viễn thông (10 bộ máy tính, dụng cụ nội thất bố trí thí nghiệm)	160,00	160,04	(0,04)	
8	Thiết bị đối ứng tiếp nhận tài trợ của Công ty TNHH Siemens cho Khoa Tự động hóa	350,00	344,30	5,70	
9	Dự án Đầu tư phòng thí nghiệm Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng phục vụ giảng dạy và học tập, Khoa Quản lý Công nghiệp	840,00	711,40	128,60	
10	Đầu tư trang thiết bị cho nhóm học phần về KIẾN TRÚC và MỸ THUẬT cho CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Khoa Kỹ thuật Xây dựng	1.200,00	1.180,85	19,15	
2	Trường Công nghệ Thông tin và TT	2.580,00	2.341,93	238,07	
1	Cải tạo sảnh chính, phòng họp trực tuyến, các khoa	730,00	644,63	85,37	
2	Cải tạo chống thấm nhà vệ sinh, sơn vách tường, hành lang tòa nhà	850,00	801,38	48,62	
3	Thiết bị tin học và ngoại vi	1.000,00	895,92	104,08	
3	Khoa Dự bị Dân tộc	580,00	590,66	(10,66)	
2	Cải tạo nhà để xe cán bộ, bãi giữ xe sinh viên khoa Dự bị Dân tộc	100,00	91,66	8,34	
3	Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính, máy chiếu)	480,00	499,00	(19,00)	
4	Khoa Khoa học Chính trị	550,00	507,73	42,27	
1	Cải tạo cảnh quan, hệ thống tưới nước, hệ thống thoát nước xung quanh tòa nhà khoa Khoa học Chính trị	300,00	274,57	25,43	
2	Cải tạo cửa phòng họp, sơn cửa, khung sắt bảo vệ khối nhà Khoa Khoa học Chính trị	250,00	233,16	16,84	

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
5	Khoa Khoa học Tự nhiên	2.550,00	2.160,42	389,58	
1	Cải tạo phòng bảo vệ luận văn thạc sĩ, chống sụp lún, chống thấm, sơn sửa các phòng vật lý ứng dụng, các phòng thí nghiệm thực hành, nhà vệ sinh Bộ môn Vật lý bolck D & Bộ môn Sinh học bolck C Khoa KHTN	950,00	887,45	62,55	
	Cải tạo 02 phòng thí nghiệm sinh học tế bào & phân tử	50,00	37,77	12,23	
2	Mua sắm bổ sung thiết bị thí nghiệm cho các bộ môn; nội thất và thiết bị cho phòng bảo vệ luận văn thạc sĩ, máy chiếu cho nhà học,...	1.500,00	1.185,20	314,80	
3	Phần mềm VASP phục vụ đào tạo sau đại học	50,00	50,00	-	
6	Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn	875,00	694,24	180,76	
1	Sơn mặt ngoài, chống thấm, cải tạo nhà vệ sinh, nâng nền, lát gạch sân và đường vào khoa	250,00	232,28	17,72	
2	Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính, máy scan)	625,00	461,96	163,04	
7	Trường Kinh tế	390,00	349,49	40,51	
1	Cải tạo, sửa chữa sân trong khuôn viên trường Kinh tế	100,00	97,24	2,76	
2	Cải tạo Khoa Kinh tế tài nguyên & Môi trường, chống sụp lún hành lang dãy nhà học Chất lượng cao	290,00	252,25	37,75	
8	Khoa Luật	800,00	596,35	203,65	
	Xử lý thấm ốp chân tường tầng trệt nhà làm việc (tiếp giáp công trình ODA), chống thấm, cải tạo hội trường, cải tạo phòng 201 thành phòng họp & hội nghị trực tuyến	300,00	275,35	24,65	
4	Thiết bị điện, điện tử, thiết bị âm thanh,...	300,00	125,10	174,90	
5	Dụng cụ nội thất	200,00	195,90	4,10	
9	Khoa Môi trường & TNTN	1.025,00	926,17	98,83	
1	Sơn mới mặt ngoài phía sau, cải tạo mái, nền, phòng khối nhà chính & cải tạo dãy nhà trệt, nhà lưới Khoa	825,00	756,00	69,00	

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
2	Chống sụp lún vỉa hè bao quanh tòa nhà	200,00	170,17	29,83	
	Bổ sung dụng cụ thí nghiệm cho Khoa Môi trường và TNTN năm 2022	640,52	640,52	-	Sử dụng kinh phí dự phòng (II.22.5), Phụ lục 4
10	Trường Nông nghiệp	800,00	811,60	(11,60)	
1	Cải tạo nhà làm việc, nhà kho, trại chăn nuôi, đường đi chính, hệ thống đê bao làm Trại thực nghiệm nông nghiệp, Trường Nông nghiệp	500,00	478,70	21,30	
4	Bổ sung thiết bị, dụng cụ thí nghiệm cho các Khoa	300,00	332,90	(32,90)	
11	Khoa Sư phạm	1.475,00	924,51	240,49	
1	Cải tạo Nhà làm việc khoa, nhà vệ sinh, khe lún, sơn sửa văn phòng các bộ môn, phòng thí nghiệm Sinh lý Động vật KSP	490,00	443,54	46,46	
2	Chống thấm sê nô, mái khối văn phòng và sảnh Nhà thực hành Lý - Hóa - Sinh	310,00			Chưa thực hiện 2023 chuyển sang KH 2024
3	Cải tạo sân bóng chuyên Khoa	350,00	319,61	30,39	
4	Thiết bị tin học và ngoại vi Bộ môn SP Sinh học	175,00	64,60	110,40	
5	Thiết bị điện, điện tử, âm thanh, ...	150,00	96,76	53,24	
12	Khoa Thủy sản	1.950,00	1.738,87	211,13	
1	Sơn mặt ngoài phía sau và 2 bên khối Văn phòng & nhà học 5 tầng Khoa Thủy sản	990,00	910,68	79,32	
2	Cải tạo, chống thấm nhà vệ sinh nhà học 5 tầng	150,00	136,16	13,84	
3	Chống thấm mái, sê nô khối nhà 5 tầng, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực Nhà máy thức ăn thủy sản, sửa cửa đi, cửa sổ nhà 2 tầng	360,00	333,68	26,32	
4	Cải tạo nền Bộ môn Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt lắp dựng nhà văn phòng tư vấn lắp đặt thiết bị thí nghiệm ODA	250,00	203,35	46,65	
5	Bổ sung thiết bị, dụng cụ thí nghiệm các bộ môn	200,00	155,00	45,00	

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
	Xây bộ đặt bảng tên bằng đá và bảng tên đá của Trường Thủy sản	131,00	131,00	-	Sử dụng kinh phí dự phòng (II.22.5), Phụ lục 4
13	Viện CNSH và Thực phẩm	200,00	224,60	(24,60)	
2	Bổ sung thiết bị, dụng cụ thí nghiệm	200,00	224,60	(24,60)	
14	Trung tâm Học liệu	300,00	247,06	52,94	
1	Chống thấm tòa nhà	300,00	247,06	52,94	
15	Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	5.085,00	4.790,04	294,96	
1	Cài tạo hệ thống lạnh cho phòng Server	1.000,00	1.229,00	271,00	
2	Chi phí lắp đặt, tháo dỡ hệ thống lạnh phòng Server	500,00			
3	Phần mềm (Gia hạn bản quyền 1 năm: tường lửa Internet và Ứng dụng các thiết bị bảo mật của DA ODA, tường lửa các thiết bị ĐA Ngoại ngữ 2020)	1.800,00	1.781,08	18,92	
4	Thiết bị tin học (Bổ sung 40 điểm truy cập wifi trường, nâng cấp hệ thống mạng các đơn vị)	1.035,00	1.032,96	2,04	
5	Phần mềm sao lưu, nhân bản các máy chủ ảo	750,00	747,00	3,00	
16	Phòng Công tác sinh viên (KTX - TT.PVSV)	4.635,00	4.161,10	473,90	
1	Cài tạo chống thấm các khu vệ sinh khối nhà B5, B8 KTX B	990,00	891,88	98,12	
	Cài tạo dây nhà B20 KTX A	360,00	325,12	34,88	
	Cài tạo dây nhà B21 KTX A	375,00	250,08	124,92	
	Cài tạo dây nhà B23 KTX A	675,00	604,27	70,73	
	Cài tạo chỗ lấy rác, cống thoát nước và lối đi phía sau KTX Cà Mau	100,00	92,46	7,54	
2	Cài tạo nền nhà xe số 2 KTX Khu B	700,00	628,14	71,86	
3	Cài tạo vỉa hè đường vào KTX Khu B	370,00	341,60	28,40	Sử dụng nguồn KP DV, Phụ lục 03

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
4	Cảnh quan, vỉa hè khu vực Nhà văn hóa KTX Khu A	200,00	158,65	41,35	
5	Thiết bị tin học và ngoại vi (06 bộ máy tính, 01 máy in)	100,00	97,54	2,46	
6	Hệ thống camera quan sát an ninh	260,00	254,43	5,57	
7	Thiết bị điện, điện lạnh (03 máy lạnh)	100,00	97,89	2,11	
8	Dụng cụ nội thất (80 giường sắt)	440,00	440,00	-	
9	Sửa chữa dụng cụ nội thất (thay vạt giường dây A1)	335,00	320,64	14,36	
17	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	1.755,00	683,52	71,48	
1	Sửa chữa nhà xe Tô ô tô; Sơn lại phòng PCT.HĐT, phòng họp BGH Lầu 1 NDH; Chống thấm sê nô, mái, sửa trần Nhà khách số 1, sơn sửa nhà sole số 1, 8	400,00	351,77	48,23	
3	Sửa chữa, bảo trì hệ thống thang máy NDH	355,00	331,75	23,25	
4	Lắp đặt máy lạnh cho Hội trường 3	300,00			Chưa thực hiện 2023 chuyển sang KH 2024
5	Nội thất cho Hội trường 3	700,00			
18	Văn phòng Đoàn thanh niên - TT. TVKN	230,00	210,29	19,71	
1	Chống thấm sê nô, thay mái tole	230,00	210,29	19,71	
19	Khoa Giáo dục thể chất	2.700,00	2.491,81	208,19	
1	Chống sụp lún Nhà thi đấu mới	1.000,00	924,80	75,20	
2	Chống thấm, cải tạo mái Nhà thi đấu mới	700,00	645,41	54,59	
3	Sơn mặt trước, bên trong, sửa chữa khu làm việc, hệ thống điện, đèn chiếu sáng Nhà thi đấu mới	800,00	739,70	60,30	
4	Cải tạo sân thể thao, chống dột Nhà thi đấu cũ	200,00	181,90	18,10	
20	Phòng Công tác chính trị	1.050,00	685,77	364,23	
2	Thiết bị điện, điện tử (Tivi, Camera quan sát, đèn Wash Led, đèn kỹ xảo,...) lắp đặt bổ sung Hội trường Rùa	350,00	302,97	47,03	

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
3	Bảo trình các hệ thống báo cháy, thiết bị PCCC các đơn vị (Bao gồm máy bơm PCCC V. ĐBSCL, K. KHXH&NV, KSP)	700,00	382,80	317,21	
21	Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ	1.280,00	1.128,84	151,16	
1	Cải tạo 01 phòng học thành phòng thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ	330,00	314,40	15,60	
2	Đầu tư bàn ghế phòng thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ	100,00	90,97	9,03	
3	Thiết bị tin học và ngoại vi	850,00	723,47	126,53	
22	Khu vực công cộng - P.QTTB	8.250,00	7.839,33	160,67	
1	Cải tạo hệ thống thoát nước, hạ tầng Khu II - ĐHCT (Phát hoang, cải tạo hệ thống chứa, thoát nước và mặt bằng khu đất phía trước KTX Khu B; Đắp đường làm đê ngăn triều cường dọc theo bờ kênh hẻm 51 cạnh KTX Khu B; Cải tạo, lắp đặt van một chiều chống ngập Khu II; Xây rãnh thoát nước nối kết vỉa hè phía trước hàng rào Trường Nông nghiệp và Căn tin nhà học B1; Cải tạo công thoát nước và thay mới van 1 chiều phía trước cổng B và trường Thủy sản, Khu II;...)	1.000,00	971,06	28,94	Chi tiết trong Phụ lục 4
2	Cải tạo cảnh quan, hệ thống giao thông nội bộ (Cải tạo vỉa hè phía trước Nhà điều hành - ĐHCT; Chống lún sập và lát lại gạch tự chèn phía trước sảnh Nhà điều hành; Dặm và một số tuyến đường nội bộ Khu II; Đắp đất nâng cao trình đoạn đường phía sau KTX Khu B;...)	1.000,00	986,88	13,13	Chi tiết trong Phụ lục 4

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
3	Chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường, trồng cây xanh (Mé nhánh, tia cành cây, cắt cỏ, phát quang và vận chuyển tới điểm tập trung tại Khu II - Trường ĐHCT chuẩn bị ngày hội tư vấn tuyển sinh 2023; Tổng vệ sinh, tia cành cây, cắt cỏ, phát quang khuôn viên Khu II, Khu I, các đơn vị chuẩn bị tiếp đoàn đánh giá ngoài; Cung cấp cây xanh trồng nhân ngày Môi trường thế giới năm 2023 tại Trường ĐHCT; Bổ sung cây xanh cho các đơn vị năm 2023; Tổng vệ sinh, mé nhánh, tia cành cây, cắt cỏ, phát quang KTX Khu A và các tuyến đường, vận chuyển tới điểm tập trung tại Khu II - Trường ĐHCT chuẩn bị năm học mới; Tổng vệ sinh, phát hoang cỏ dại, cắt tia tạo hình cây kiểng, mé nhánh cây, vận chuyển rác đến nơi đổ tập trung trong khuôn viên Khu II, chuẩn bị kiểm định chất lượng Trường ĐHCT; ...)	800,00	793,92	6,08	Chi tiết trong Phụ lục 4
4	Lắp đặt bổ sung camera giám sát an ninh Khu I, Khu II, Khu Măng Đen	950,00	771,71	178,29	Chi tiết trong Phụ lục 4
5	Dự phòng sửa chữa các công trình vật kiến trúc, điện, nước khu vực công công, các nhà học dùng chung; Mua sắm, sửa chữa thiết bị	2.500,00	2.723,36	(223,36)	Chi tiết trong Phụ lục 4
7	Thiết bị âm thanh cho các nhà học	100,00	89,98	10,02	
8	Tivi bổ sung, thay thế các nhà học	100,00	47,80	52,20	
9	Máy chiếu bổ sung, thay thế cho các nhà học	100,00	99,00	1,00	
10	Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (T11/2023)	300,00	269,50	30,50	
11	Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc các công trình thuộc Dự án ODA	300,00	238,27	61,73	
12	Mua sắm, sửa chữa bàn, ghế sinh viên cho các nhà học	100,00			Không thực hiện
13	Dự phòng sửa chữa lớn thiết bị thí nghiệm và dịch vụ khác cho các đơn vị	150,00			Không thực hiện
14	Mua sắm bổ sung thiết bị thí nghiệm cho các đơn vị năm 2022	650,00	648,10	1,90	
15	Mua sắm thiết bị và dụng cụ thí nghiệm cho Trường Nông nghiệp	200,00	199,76	0,24	

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
23	Nhà Xuất bản	140,00	115,15	24,85	
1	Cải tạo di dời Nhà Xuất bản	140,00	115,15	24,85	
24	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	100,00	84,95	15,05	
1	Cải tạo phòng họp, phòng làm việc	100,00	84,95	15,05	
25	Viện nghiên cứu phát triển Đồng bằng sông Cửu Long	100,00	96,97	3,03	
1	Cải tạo chống dột khối nhà trệt, mái tole	100,00	96,97	3,03	
26	Trường THPT THSP	350,00	302,84	47,16	
1	Xây dựng nâng cấp con đường từ cổng Trường THPT THSP đến Trung tâm Phát triển Kỹ năng sư phạm	350,00	302,84	47,16	Kinh phí Trường phân giao đơn vị, Phụ lục 4-CSVC
27	Khoa Sau đại học	350,00	339,26	10,74	
1	Mua sắm thiết bị Phòng bảo vệ luận án tiến sĩ	350,00	339,26	10,74	
III	KHU HÒA AN	6.403,00	5.895,47	589,40	
1	Khoa Phát triển nông thôn	2.550,00	2.421,55	128,45	
1	Cải tạo, mua sắm, sửa chữa một phần CSVC của Khoa và KTX (Cải tạo dãy nhà học HA1, HA2, HA3, HA4; Cải tạo sàn gạch 02 phòng học khối nhà mới, căn tin Khoa thành không gian sinh hoạt sinh viên; Cải tạo, Chống thấm nhà vệ sinh KTX Hậu Giang; Cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng sân trước khối nhà học và văn phòng Khoa, sân bóng chuyên, đường phía trước khối nhà thư viện và cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng đường từ cổng chính vào KTX Hậu Giang; Đầu tư nội thất khu văn phòng Khoa;...)	2.150,00	2.037,22	112,78	Chi tiết trong Phụ lục 4
2	Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính, máy in, máy photocopy)	150,00	135,77	14,23	
3	Thiết bị văn phòng (Máy lạnh)	50,00	49,63	0,37	
4	Dụng cụ nội thất (Bàn, ghế, tủ, kệ)	200,00	198,94	1,06	
2	Trung tâm Giáo dục QP&AN	2.300,00	2.023,34	358,53	

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
1	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành, giảng đường, nhà học, ký túc xá, nhà ở cán bộ, nhà ăn sinh viên; Cải tạo hệ thống thoát nước, đường nội bộ,...	1.600,00	1.417,65	264,22	Chi tiết trong Phụ lục 4
2	Cải tạo hệ thống cấp nước, mái nhà ăn Trung tâm Giáo dục Quốc phòng & AN	200,00	110,09	89,91	
3	Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính, máy in, máy scan, máy chiếu, ...)	150,00	145,60	4,40	
4	Thiết bị điện, điện tử, âm thanh (hệ thống camera an ninh, bộ thiết bị phòng họp trực tuyến, máy lạnh)	350,00	350,00	-	
3	Các khu vực công cộng - P.QTTB	1.553,00	1.450,58	102,42	
1	Cải tạo đoạn đường nối TTGDQP & KTX Hậu Giang Khu Hòa An.	930,00	857,62	72,38	
2	Cải tạo đoạn đường nối từ KTX Hậu Giang đến các trại thực nghiệm Khu Hòa An (khoảng 200m)	280,00	250,83	29,17	
3	Lắp đặt đường dây, cột điện và hệ thống đèn chiếu sáng đoạn đường bê tông nối kết Trung tâm Giáo dục QP&AN với Khoa Phát triển nông thôn	343,00	342,13	0,87	
IV	KHU LÒ GẠCH BÌNH BINH	2.050,00	1.868,76	81,24	
1	Đắp đê làm đường đi khu vực ao nuôi cá Trại Lò Gạch (San lấp lồi đi dẫn ra khỏi nhà học và thực hành Khu Bình Bình)	200,00	165,17	4,83	
2	Xây dựng hàng rào tạm bao quanh khu đất; Thuê dịch vụ bảo vệ	400,00	377,37	22,63	
3	Xây dựng phòng học và phòng thực hành	1.000,00	926,44	73,56	
4	Hệ thống trụ đèn chiếu sáng bao quanh khu đất	230,00	205,81	24,19	
5	Hệ thống camera bao quanh khu đất	220,00	193,97	26,03	
V	TRẠI THỰC NGHIỆM VĨNH CHÂU	1.470,00	1.423,19	6,81	
1	Xây dựng trụ hàng rào phía sau khu đất Vĩnh Châu - ĐHCT	670,00	663,74	6,26	
2	Cầu giao thông, xây tường hàng rào phía sau, trụ hàng rào bên trái, bên phải khu đất Vĩnh Châu - ĐHCT	800,00	759,45	0,55	

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí phân giao (dự toán)	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
VI	KHU MĂNG ĐEN - KON TUM	500,00	173,18	26,82	
7	Đường đi nội bộ	300,00			Chưa thực hiện
9	Cảnh quan (cây, hoa, cá trong hồ)	50,00	33,00	17,00	
12	Sửa chữa Nhà điều hành, hệ thống cấp điện, cấp nước, nhà màng (Cải tạo, sửa chữa trần nhà và hệ thống điện Nhà điều hành Khu Măng Đen; Cải tạo, sửa chữa nhà màng số 1, tháo dỡ nhà màng số 2 Khu Măng Đen)	150,00	140,18	9,82	
VII	PHÂN HIỆU ĐHCT TẠI SÓC TRĂNG	1.650,00	-	-	
1	Cải tạo cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan môi trường	1.650,00			Chưa thực hiện
VIII	XÂY DỰNG CƠ BẢN	9.036,00	8.155,95	880,05	
1	Cải tạo mặt sân bóng đá phía sau Nhà thi đấu đa năng	1.000,00	906,93	93,07	
2	Dự án Cải tạo đường nội bộ từ cổng B đến Khoa Thủy sản, Khu II - Trường ĐHCT	7.036,00	6.333,99	702,01	
3	Cải tạo đoạn đường phía sau Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu - ĐHCT	1.000,00	915,03	84,97	
Tổng cộng (I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)		66.815,00	57.255,35	5.631,51	

Ghi chú: Hội đồng Trường ban hành Nghị quyết số 119/NQ-HĐT, theo đó các hạng mục có tổng kinh phí là 67,165 triệu đồng, bao gồm 350 triệu là hạng mục của Trường THPT THSP là kinh phí Trường ĐHCT phân giao cho Trường THPT THSP trực tiếp sử dụng nên thực tế còn lại **66,815 triệu đồng**.

Phụ lục 4

**DANH SÁCH CÁC NỘI DUNG ĐÃ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÁC MỤC CÓ NHIỀU NỘI DUNG
ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT theo PL3	Nội dung thanh toán	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
II	KHU II		
22	Khu vực công cộng - P.QTTB		
1	Cải tạo hệ thống thoát nước, hạ tầng Khu II - ĐHCT (Phát hoang, cải tạo hệ thống chứa, thoát nước và mặt bằng khu đất phía trước KTX Khu B-ĐHCT; Đắp đường làm đê ngăn triều cường dọc theo bờ kênh hẻm 51 cạnh KTX Khu B-ĐHCT; Đắp đất nâng cao trình đoạn đường phía sau KTX Khu B-ĐHCT;...)	971,06	
1.1	Phát hoang, cải tạo hệ thống chứa, thoát nước và mặt bằng khu đất phía trước KTX Khu B-ĐHCT	433,30	
1.2	Đắp đường làm đê ngăn triều cường dọc theo bờ kênh hẻm 51 cạnh KTX Khu B-ĐHCT	313,78	
1.3	Xây rãnh thoát nước nối kết vỉa hè phía trước hàng rào Trường Nông nghiệp và Căn tin nhà học B1	94,79	
1.4	Cải tạo hàng rào tiếp giáp với Đài khí tượng Thủy văn và Truyền tải điện Miền Tây 1 - ĐHCT (Khu II)	93,00	
1.5	Sửa chữa hệ thống đường ống cấp thoát nước khoa Sư phạm, KTX khu A, vệ sinh cống KTX khu B, thay đan nắp cống công A	36,20	
2	Cải tạo cảnh quan, hệ thống giao thông nội bộ (Cải tạo vỉa hè phía trước Nhà điều hành - ĐHCT; Sửa chữa, sơn, thay mặt ghế công viên; làm bảng tên cây mai các tỉnh tặng bằng inox; vệ sinh, sơn mới các trụ và biển báo giao thông;...)	986,88	
2.1	Cải tạo vỉa hè phía trước Nhà điều hành - ĐHCT	253,17	
2.2	Sửa chữa, sơn, thay mặt ghế công viên; làm bảng tên cây mai các tỉnh tặng bằng inox; vệ sinh, sơn mới các trụ và biển báo giao thông;...	93,40	

2.3	Chống lún sụp, lát lại gạch tự chèn, thảm bê tông nhựa nóng phía trước sảnh Nhà điều hành	237,40	
2.4	Dặm vá một số tuyến đường nội bộ, vỉa hè, hố ga thu nước mặt, sơn vạch kẻ đường Khu II - ĐHCT	264,45	
2.5	Cải tạo lối đi trong khuôn viên Vườn Bàng	44,49	
2.6	Đắp đất nâng cao trình đoạn đường phía sau KTX Khu B-ĐHCT	93,96	
3	Chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường, trồng cây xanh (Mé nhánh, tia cành cây, cắt cỏ, phát quang và vận chuyển tới điểm tập trung tại Khu II - Trường Đại học Cần Thơ chuẩn bị ngày hội tư vấn tuyển sinh 2023; Tổng vệ sinh, tia cành cây, cắt cỏ, phát quang khuôn viên Khu II, Khu I, các đơn vị chuẩn bị tiếp đoàn đánh giá ngoài;...)	793,92	
3.1	Mé nhánh, tia cành cây, cắt cỏ, phát quang và vận chuyển tới điểm tập trung tại Khu II - Trường ĐHCT chuẩn bị ngày hội tư vấn tuyển sinh 2023	92,48	
3.2	Tổng vệ sinh, tia cành cây, cắt cỏ, phát quang khuôn viên Khu II, Khu I, các đơn vị chuẩn bị tiếp đoàn đánh giá ngoài;..	67,25	
3.3	Cung cấp cây xanh trồng nhân ngày Môi trường thế giới năm 2023 tại Trường Đại học Cần Thơ	89,38	
3.4	Bổ sung cây xanh cho các đơn vị năm 2023	98,97	
3.5	Tổng vệ sinh, mé nhánh, tia cành cây, cắt cỏ, phát quang KTX Khu A và các tuyến đường, vận chuyển tới điểm tập trung tại Khu II - Trường Đại học Cần Thơ chuẩn bị năm học mới	93,13	
3.6	Tổng vệ sinh, phát hoang cỏ dại, cắt tia tạo hình cây kiểng, mé nhánh cây, vận chuyển rác đến nơi đổ tập trung trong khuôn viên Khu II, chuẩn bị kiểm định chất lượng Trường Đại học Cần Thơ	96,80	
3.7	Dọn dẹp, san lấp mặt bằng, tạo đồi trồng cây khu vực Hội trường Rùa, Vườn bàng; di dời cây xanh ở ngã 3 Trường CNTT&TT, khu vực Vườn bàng; Chăm sóc cây mai và thảm cỏ từ ngày 06 đến 28 tháng 02 năm 2023 trong khuôn viên Khu II; Dọn dẹp vệ sinh, san ủi tạo mặt bằng, di dời cây xanh khu vực bên phải Hội Trường Rùa chuẩn bị Chủ tịch nước trồng cây; Trồng bổ sung cây xanh và chống lại các cây đã trồng trong khuôn viên Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu; Lát đan bê tông lối đi, cắt cỏ dại, dọn dẹp vệ sinh, phun thuốc diệt cỏ khu vực hồ Cảnh quan và đường đi giữa Khoa MT&TNTN và Trường Nông nghiệp; Vệ sinh, phát hoang cắt cỏ dại, dây leo, mé nhánh cây khu vực hàng rào Ký túc xá khu A, cắt tia nhánh cây khu Vườn rừng; Phát hoang cỏ dại, chống dựng lại hàng cây sao phía sau tòa nhà KTX Cà Mau, vét cỏ dưới mương hở trước Viện NCPT ĐBSCL khu B; Vệ sinh, phát hoang cỏ dại, lát đan khu vực kho để chai lọ hóa chất độc hại của	255,91	

	phòng Quản trị Thiết bị; Tạo mặt bằng, trồng cây hắc ó, cỏ nhật và cỏ lá tre phía trước Hội trường Rùa và tuyến đường phía bên trái từ tòa nhà ATL đến căn tin nhà học B1.		
4	Lắp đặt bổ sung camera giám sát an ninh Khu I, Khu II, Khu Măng Đen	771,71	
4.1	Lắp đặt bổ sung Camera an ninh khuôn viên Khu II	330,05	
4.2	Cung cấp và lắp đặt bổ sung thiết bị camera giám sát an ninh tại Khu I và Khu II	226,97	
4.3	Sửa chữa , bảo trì và bổ sung thiết bị camera an ninh trong toàn trường	214,69	
5	Dự phòng sửa chữa các công trình vật kiến trúc, điện, nước khu vực công công, các nhà học dùng chung; Mua sắm, sửa chữa thiết bị	2.723,36	
5.1	Cải tạo cổng, xây bệ bảng tên, ốp bảng hiệu bằng đá trắng sứ vân, chữ Inox Khu I	181,00	Mục I.2 của Nghị quyết số 119/NQ-HĐT
5.2	Bổ sung dụng cụ thí nghiệm cho Khoa Môi trường và TNTN năm 2022	640,52	Mục II.9 của Nghị quyết số 119/NQ-HĐT
5.3	Xây bệ đặt bảng tên bằng đá và bảng tên đá của Trường Thủy sản	131,00	Mục II.12 của Nghị quyết số 119/NQ-HĐT
5.4	Lắp đặt thiết bị thu phát Wifi cho các đơn vị	255,50	
5.5	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại	173,80	
5.6	Thay bọc gỗ Hội trường rùa	32,94	
5.7	Thiết bị điện, điện lạnh cho Khoa BVTV, Trường Nông nghiệp	33,70	
5.8	Mua sắm Tivi cho phòng thi năng lực ngoại ngữ Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ	29,00	
5.9	Chi phí thẩm định giá lắp bổ sung thiết bị thu phát Wifi cho Trường Bách khoa, Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông và Camera giám sát an ninh Khu II thuộc Trường Đại học Cần Thơ	11,00	
5.10	Chi phí thẩm định giá thiết bị wifi cho Trung tâm Thông tin và QTM	9,00	
5.11	Chi phí thẩm định giá thiết bị cho nhóm học phần Kiến trúc và Mỹ thuật cho chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Bách khoa năm 2023	14,70	

5.12	Chi phí thẩm định giá lắp đặt bổ sung thiết bị camera giám sát an ninh tại Ký túc xá A và B Phòng Công tác sinh viên	4,40	
5.13	Chi phí thẩm định giá thiết bị tin học và ngoại vi cho Trung tâm Đánh giá Năng lực ngoại ngữ	8,40	
5.14	Chi phí thẩm định giá máy bơm chữa cháy cho các đơn vị	4,40	
5.15	Chi phí thẩm định giá thiết bị tin học và ngoại vi	13,86	
5.16	Cải tạo hệ thống điện nguồn cho dãy nhà Đoàn thanh niên	59,50	
5.17	Chi phí thẩm định giá thiết bị ánh sáng cho Hội trường Rùa	3,40	
5.18	Chi phí thẩm định giá thiết bị thí nghiệm cho các đơn vị	15,00	
5.19	Chi phí thẩm định giá gia công giường sắt KTX	5,80	
5.20	Chi phí thẩm định giá Hệ thống lạnh cho Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	17,40	
5.21	Chi phí thẩm định giá gia hạn bản quyền tường lửa Checkpoint và Barracuda cho Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	15,50	
5.22	Chi phí thẩm định giá lắp đặt âm thanh, màn hình Led cho Phòng Bảo vệ luận án tiến sĩ	5,50	
5.23	Chi phí thẩm định giá phần mềm sao lưu cho Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	10,40	
5.24	Chi phí thẩm định giá Camera giám sát an ninh	4,40	
5.25	Lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ cho Phòng Đào tạo và Trung tâm Đánh giá năng lực Ngoại ngữ	49,20	
5.26	Nhà xe cán bộ khoa Ngoại ngữ	95,00	
5.27	Cầu dẫn từ nhà thi đấu đa năng ra sân bóng đá	40,50	
5.28	Bảng chữ phía sau Trung tâm học liệu và Khu vườn bàng	39,50	
5.29	Xử lý mới một các phòng lưu trữ hồ sơ	18,00	
5.30	Gia công lắp đặt bàn gỗ tự nhiên (đợt 1 năm 2023)	82,50	
5.31	Cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy và nền nhà vị trí đường ống, Khoa Khoa học Tự nhiên	92,93	
5.32	Xử lý phun thuốc phòng trừ mối mọt cho phòng lưu trữ hồ sơ và các đơn vị trong Khu II	17,82	
5.33	Xử lý mối mọt Hội trường Rùa	30,24	
5.34	Xử lý phun thuốc phòng trừ mối mọt cho phòng lưu trữ hồ sơ và các đơn vị trong Khu II	11,49	

5.35	Xử lý phun thuốc phòng trừ mối mọt tại nhà khách số 1; 5; 6; 7 và nhà sole 1; 2; 3; 6; 7; 8 Khu I	8,42	
5.36	Xử lý phun thuốc phòng chống mối, mọt tại khoa Khoa học XH&VN, Hội trường Rùa	7,67	
5.37	Sửa chữa, cải tạo đèn chiếu sáng đường nội bộ khuôn viên khu II và lưới điện hạ thế khu I	63,87	
5.38	Sửa chữa trạm biến áp 22/0,4-1500kVA Nhà ở sinh viên - Trường ĐHCT, thuộc tuyến 475CT	37,55	
5.39	Cải tạo phòng đặt tủ sinh trưởng Dự án ODA	41,90	
5.40	Công tạm Hồ bún Xáng; Hàng rào tạm Khu I; Cải tạo đoạn hàng rào ATM Khu I; chống thấm một số vị trí nhà học C1; Sửa đoạn hàng rào phía sau Trường THSP; Vá hàng rào, sửa trụ bảng sơ đồ Khu II ...	87,45	
5.41	Công thoát nước, sơn gờ bó vữa, chống thấm mái cục bộ một số vị trí NDH	93,99	
5.42	Cắt cỏ SVĐ Khoa GDTC	48,40	
5.43	Lắp đặt khung treo đèn sân khấu cho Hội trường Rùa	85,00	
5.44	Mua máy photocopy cho Phòng Quản trị Thiết bị	19,85	
5.45	Chi phí thẩm định giá thiết bị tin học và ngoại vi cho các đơn vị	18,00	
5.46	Chi phí sửa chữa máy tính xách tay	4,95	
5.47	Mua thiết bị ngoại vi cho Ban Giám hiệu	4,00	
5.48	Mua màn hình tương tác	9,50	
5.49	Mua bộ salon gỗ cho Viện CNSH&TP	35,50	
III	KHU HÒA AN		
1	Khoa Phát triển nông thôn		
1	Cải tạo, mua sắm, sửa chữa một phần CSVC của Khoa và KTX (Cải tạo dãy nhà học HA1, HA2, HA3, HA4; Cải tạo sàn gạch 02 phòng học khối nhà mới, căn tin Khoa thành không gian sinh hoạt sinh viên; Cải tạo, Chống thấm nhà vệ sinh KTX Hậu Giang; Cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng sân trước khối nhà học và văn phòng Khoa, sân bóng chuyền, đường phía trước khối nhà thư viện và cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng đường từ cổng chính vào KTX Hậu Giang; Đầu tư nội thất khu văn phòng Khoa;...)	2.037,22	
1,1	Cải tạo dãy nhà học HA1, HA2, HA3, HA4	86,67	

1,2	Đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng sân trước khối nhà học và văn phòng Khoa, sân bóng chuyền, đường phía trước khối nhà thư viện và cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng đường từ cổng chính vào KTX Hậu Giang,	56,29	
1,3	Cải tạo sàn gạch 02 phòng học khối nhà mới, căn tin Khoa thành không gian sinh hoạt sinh viên	34,77	
1,4	Cải tạo, Chống thấm nhà vệ sinh KTX Hậu Giang	59,49	
2	Trung tâm Giáo dục QP&AN		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành, giảng đường, nhà học, ký túc xá, nhà ở cán bộ, nhà ăn sinh viên; Cải tạo hệ thống thoát nước, đường nội bộ,...	1.417,65	
1,1	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành, đường nội bộ	680,95	
1,2	Cải tạo giảng đường, xử lý chống thấm các ký túc xá	654,83	
1,3	Thi công lắp đặt mặt sân cỏ nhân tạo nền công viên tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh	48,95	
1,4	Láng vữa xi măng nền sân tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh	32,92	

Phụ lục 5

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ CẢI TẠO, SỬA CHỮA CÁC ĐIỂM DỊCH VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CÁC CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ	Kinh phí dự toán	Đã hoàn thành	Phần kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Cải tạo 2 gian nhà xưởng in cũ làm căn tin khởi nghiệp sáng tạo - ĐHCT	489,76	480,69	9,07	
2	Cải tạo vỉa hè phía trước cửa hàng tiện ích B, các căn tin KTX Khu B - Đại học Cần Thơ	370,00	341,60	28,40	
3	Cải tạo vỉa hè phía trước Cửa hàng tiện ích KTX A và Căn tin tiện ích KTX A - ĐHCT	68,69	68,69	0,00	
4	Kiot giữ xe toà nhà công nghệ cao	35,00	35,00	0,00	
5	Kiot giữ xe Toà nhà phức hợp phòng thí nghiệm	35,00	35,00	0,00	
6	Hàng rào giữ xe 2 bánh Toà nhà phức hợp phòng thí nghiệm	40,16	40,16	0,00	
7	Cải tạo nền bãi giữ xe Văn phòng Đoàn - Đại học Cần Thơ	418,00	406,51	11,50	
8	Sửa chữa Kiot giữ xe, hệ thống điện bãi xe Khu I	17,68	17,68	0,00	
9	Dọn dẹp, vệ sinh lá cây trên mái nhà căng tin, nhà xe và vận chuyển đi cạnh bờ hồ Búng Xáng	19,66	19,66	0,00	
10	Cải tạo nền bãi giữ xe sinh viên Nhà điều hành - Đại học Cần Thơ	37,63	37,63	0,00	
11	Cải tạo nhà để xe cán bộ trường Kinh tế - Đại học Cần Thơ	96,69	96,69	0,00	
12	Thay mới máng xối nhà xe Môi trường - Đại học Cần Thơ	19,66	19,66	0,00	
13	Cải tạo nhà giữ xe Khu III - Đại học Cần Thơ	187,50	187,50	0,00	
14	Chống thấm dột, thay mới la phòng tập GYM - Đại học Cần Thơ	165,00	165,00	0,00	
	Tổng cộng	2.000,44	1.951,47	48,96	

Phụ lục 6

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CÁC HẠNG MỤC TỪ NGUỒN KINH PHÍ ĐƠN VỊ KHÁC
(không từ nguồn giao Phòng Quản trị - thiết bị tham mưu)**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Kinh phí dự toán	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Trường TPPT THSP	350,00	302,84	47,16	
1	Xây dựng nâng cấp con đường từ cổng Trường THPT THSP đến Trung tâm Phát triển Kỹ năng sư phạm	350,00	302,84	47,16	Kinh phí Trường phân giao đơn vị. Mục II.26.1 của Nghị quyết số 119/NQ-HĐT
2	Văn phòng, nhà kho, phòng chức năng	400,00	327,03	72,97	Kinh phí Trường phân giao đơn vị.
II	Trung tâm ngoại ngữ	1.972,00	1.834,28	137,72	
1	Hệ thống điện mạng, điều hòa không khí văn phòng phòng học mới	980,00	890,58	89,42	Kinh phí đơn vị.
2	Cải tạo Hội trường, nhà học, nhà vệ sinh Trung tâm Ngoại ngữ khu III (tầng 3, dãy nhà A2) - Trường Đại học Cần Thơ	992,00	943,70	48,30	Kinh phí đơn vị.
Tổng cộng		2.322,00	2.137,12	184,88	